



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK
NĂM 2025

MỤC LỤC

I. Thông tin chung.....	5
1. Thông tin khái quát.....	5
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	6
2.1 Ngành nghề kinh doanh.....	6
2.2 Địa bàn kinh doanh.....	6
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	7
3.1 Mô hình quản trị.....	7
3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý.....	7
3.3 Các chi nhánh và địa điểm kinh doanh.....	7
3.4 Các công ty đầu tư - liên kết.....	8
4. Định hướng phát triển.....	9
4.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.....	9
4.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn	9
4.3 Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến chiến lược phát triển ngắn hạn và trung hạn của Công ty.....	10
5. Các rủi ro	10
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	11
2. Tổ chức và nhân sự.....	11
2.1 Danh sách Ban điều hành	11
2.2 Tóm tắt lý lịch Ban điều hành	12
2.3 Những thay đổi trong Ban điều hành:	15
2.4 Số lượng cán bộ, nhân viên	16
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	16
3.1 Các khoản đầu tư lớn.....	16
3.2 Các công ty con, công ty liên kết.....	16
4. Tình hình tài chính.....	17
4.1 Tình hình tài chính.....	17
4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	18
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	18
5.1 Cổ phần.....	18
5.2 Cơ cấu cổ đông.....	18
5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	20
5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ.....	20
5.5 Các chứng khoán khác.....	20
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.....	20
6.1 Tác động lên môi trường	20

6.2	Quản lý nguồn nguyên vật liệu.....	20
6.3	Tiêu thụ năng lượng.....	20
6.4	Tiêu thụ nước.....	21
6.5	Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.....	21
6.6	Chính sách liên quan đến người lao động	21
6.7	Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương	23
6.8	Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN23	
III.	Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc	23
1.	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	24
2.	Tình hình tài chính.....	25
2.1	Tình hình tài sản	25
2.2	Tình hình nợ phải trả	25
2.3	Tình hình các khoản phải thu	25
3.	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	25
4.	Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	26
4.1	Về kinh doanh và đầu tư, biện pháp chung	26
5.	Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán.....	26
6.	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	26
6.1	Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải ...)	26
6.2	Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động	26
6.3	Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương	27
IV.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.....	27
1.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	27
2.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty	27
3.	Kết quả thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025	28
4.	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	28
V.	Quản trị công ty	29
1.	Hội đồng quản trị.....	29
1.1	Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị.....	29
1.2	Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	30
1.3	Hoạt động của Hội đồng quản trị.....	30
2.	Ban Kiểm soát	33
2.1	Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát	33
2.2	Hoạt động của Ban kiểm soát.....	33
2.3	Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả giám sát tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính của Công ty	33

3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	35
3.1	Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích.....	35
3.2	Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ.....	36
3.3	Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ	37
3.4	Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.....	38
VI.	Báo cáo tài chính	38
1.	Ý kiến kiểm toán	38
2.	Báo cáo tài chính được kiểm toán	38

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301776205
- Vốn điều lệ: 141.404.870.000 (Một trăm bốn mươi một tỷ bốn trăm lẻ bốn triệu tám trăm bảy mươi ngàn đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 141.404.870.000 (Một trăm bốn mươi một tỷ bốn trăm lẻ bốn triệu tám trăm bảy mươi ngàn đồng)
- Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường Tân Sơn Hoà, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Số điện thoại: 028 3991 9259
- Website: www.vinalinklogistics.com
- Mã cổ phiếu: **VNL**
- Quá trình hình thành và phát triển:





2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1 Ngành nghề kinh doanh

- Các ngành nghề kinh doanh dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất:
 - Giao nhận vận tải quốc tế: bao gồm dịch vụ vận chuyển đường biển, dịch vụ gom hàng lẻ, dịch vụ vận chuyển hàng không, dịch vụ vận tải đa phương thức.
 - Dịch vụ logistics cho hàng xuất nhập khẩu, phân phối hàng hóa trong nước.
 - Vận tải nội địa (bằng đường bộ, đường sắt, đường biển, đường sông).

2.2 Địa bàn kinh doanh

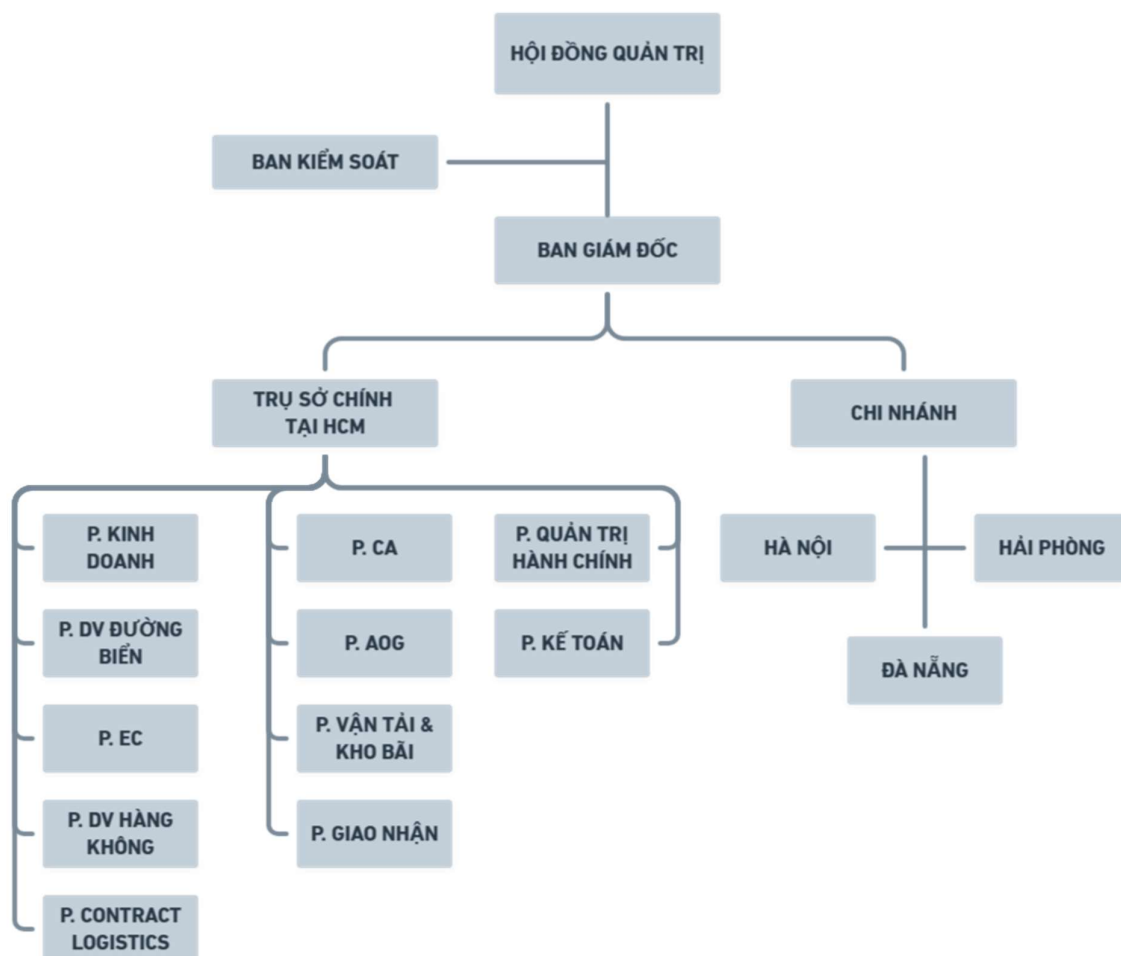
- Các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất): Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1 Mô hình quản trị

- Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc.
- Ban giám đốc gồm Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng công ty, Giám đốc Pháp chế kiêm Người ủy quyền công bố thông tin.

3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý



3.3 Các chi nhánh và địa điểm kinh doanh

3.3.1 Các chi nhánh

- Hà Nội:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (Vinalink Hà Nội)

Tầng 6, Tòa nhà Láng Hạ, 14 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 37724234

Fax: 024 37724235

Email: han@vinalinklogistics.com

- Hải Phòng:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Logistics Vinalink tại Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Thành Đạt 1, Số 3 Đường Lê Thánh Tông, Phường Ngô Quyền, TP Hải Phòng.

Điện thoại: 0225 3979582

Email: hph@vinalinklogistics.com

- Đà Nẵng:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Logistics Vinalink tại Đà Nẵng

Tầng 4, Tòa nhà Camelia, 773 Ngô Quyền, Phường An Hải, Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236 3552528 - 0236 3552538

Email: dad@vinalinklogistics.com

3.3.2 Địa điểm kinh doanh

- 62 Tân Canh, Phường Tân Sơn Hoà, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028 3848 7252

Email: sgn-air@vinalinklogistics.com

- 145-147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Lô MN, Tổng Kho TTC Đặng Huỳnh, Đường số 10, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.4 Các công ty đầu tư - liên kết

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Vốn đầu tư (VNĐ)	Tỷ lệ / vốn điều lệ	Ghi chú
1	Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	436-438 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, TPHCM	946.800.000	20,00%	Công ty liên doanh
2	Công ty TNHH Dịch vụ Đại lý Vận chuyển (FC Vietnam)	46-48 Hậu Giang, Phường Tân Sơn Nhất, TPHCM	3.918.874.000	30,00%	Công ty liên doanh
3	Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật (Konoike Vina)	18A Lưu Trọng Lư, Phường Tân Thuận, TPHCM	4.908.430.302	9,15%	Công ty liên doanh
4	Công ty TNHH Điều hành Vận chuyển Hàng hóa Liên kết (LCM)	30 Phan Thúc Duyệt, Phường Tân Sơn Nhất, TPHCM	9.007.800.000	30,00%	Công ty liên doanh

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Vốn đầu tư (VNĐ)	Tỷ lệ / vốn điều lệ	Ghi chú
5	CTCP Logistics Kim Thành	Lô KB 13 đường T5 Khu Kinh tế Thương mại Kim Thành, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai	19.120.589.000	30,00%	Công ty liên kết
6	CTCP Vận chuyển Vinalink (Vinalink Transport)	Lầu 3, Indochina Park Tower, 4 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Tân Định, TP HCM	4.000.000.000	40,00%	Công ty liên kết
7	Công ty TNHH Hệ thống phần mềm quản lý Logistics (LMS)	Số 10 Nguyễn Văn Tráng, Phường Bến Thành, TP HCM	1.000.000.000	40,00%	Công ty liên kết

4. Định hướng phát triển

4.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Trong bối cảnh thị trường giao nhận vận tải & logistics ngày càng phát triển và hội nhập nhanh với thị trường khu vực và thế giới, cạnh tranh ngày càng lớn, tính chuyên nghiệp ngày càng cao; hoạt động của công ty được tổ chức và thực hiện trên cơ sở các kết nối nội bộ, kết nối với các khách hàng, đối tác trong và ngoài nước để đạt mục đích là mang lại thành công cho tất cả.
- Mục tiêu chủ yếu của Công ty là ổn định và phát triển các dịch vụ kinh doanh chủ lực, tìm kiếm cơ hội đầu tư, thường xuyên tìm kiếm và phát triển quan hệ kinh doanh với các đại lý nước ngoài, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng hàng năm. Khai thác tốt các nguồn lực về vốn, nhân sự, đại lý, tập trung đầu tư và nâng cao chất lượng các dịch vụ cơ bản, sàng lọc loại bỏ các dịch vụ hiệu quả thấp.

4.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tiếp tục củng cố giữ vững thị phần của các dịch vụ đường biển, hàng không quốc tế; chú trọng các dịch vụ logistics trọn gói và dự án, dịch vụ vận chuyển và cung ứng nội địa.
- Củng cố các thị trường truyền thống và mở rộng thị trường mới.
- Tìm kiếm các cơ hội đầu tư trong lĩnh vực logistics.
- Nâng cao chất lượng, năng lực và tính chuyên nghiệp của nguồn nhân lực.

- Tăng cường công tác marketing và phát triển thương hiệu,
- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh và tăng năng suất lao động.
- Đầu tư: nghiên cứu và triển khai việc đầu tư kho bãi và văn phòng trong điều kiện mới cho phù hợp thực tế.
- Chú trọng đầu tư phát triển dịch vụ logistics cho thương mại điện tử quốc tế thông qua việc hợp tác với các đối tác lớn nước ngoài tạo ra chuỗi giải pháp logistics hiệu quả cho khách hàng.

4.3 Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến chiến lược phát triển ngắn hạn và trung hạn của Công ty

- Phát triển dịch vụ tạo việc làm và thu nhập ổn định, tạo cơ hội phát triển cá nhân cho người lao động; xây dựng văn hóa công ty tạo môi trường làm việc thân thiện, hiệu quả, đóng góp tích cực vào các hoạt động xã hội xây dựng cộng đồng.
- Các hoạt động kinh doanh và dịch vụ đều khuyến khích người lao động tích cực có những hoạt động thiết thực góp phần bảo vệ môi trường: xử lý rác thải đúng quy định, tiết kiệm nhiên liệu, điện, nước.
- Đảm bảo tuân thủ các điều kiện vận chuyển và các yêu cầu cấp Giấy phép vận chuyển của Công ty và nhà thầu phụ trong hoạt động kinh doanh vận tải nhằm giảm thiểu rủi ro tai nạn đối với xe và hàng hóa, hạn chế sự cố gây hại cho môi trường.

5. Các rủi ro

- Hoạt động kinh doanh dịch vụ logistics có những rủi ro như:
 - Rủi ro từ chính sách, quy định luôn thay đổi nhưng không phải thay đổi nào cũng tạo thuận lợi hơn cho kinh doanh.
 - Rủi ro từ khách hàng và đại lý trong việc thanh toán do phần lớn các dịch vụ được tiến hành trên cơ sở hợp đồng không có thể chấp.
 - Chất lượng dịch vụ không ổn định của các bên liên quan dẫn đến không kiểm soát được chất lượng dịch vụ, làm gián đoạn các khâu trong chuỗi logistics, ảnh hưởng đến việc thanh toán hoặc hủy bỏ các hợp đồng dịch vụ.
 - Các rủi ro trong kinh doanh bao gồm rủi ro từ các công cụ tài chính, công nợ, rủi ro về lành mạnh có nguy cơ tăng cao.
 - Hạ tầng giao thông trong nước (đường bộ, đường sắt, đường biển, hàng không) phát triển chưa đồng bộ và chưa bắt kịp với tốc độ tăng trưởng của nhu cầu vận tải hàng hóa, làm tăng chi phí vận chuyển và kéo dài thời gian vận chuyển, ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ, chất lượng sản phẩm, môi trường và lợi nhuận của doanh nghiệp.
 - Rủi ro từ các xung đột địa chính trị lan rộng và chủ nghĩa bảo hộ: Các điểm nóng xung đột mới làm trầm trọng hóa tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng, buộc thay đổi hải trình làm kéo dài thời gian và tăng chi phí. Các rào cản thuế quan mới từ các nền kinh tế lớn làm dịch chuyển dòng chảy hàng hóa đột ngột, gây khó khăn cho việc lập kế hoạch.
 - Áp lực từ xu hướng chuyển đổi xanh và các tiêu chuẩn ESG: Các quy định nghiêm ngặt về giảm phát thải carbon (như CBAM của EU, quy định của IMO) bắt đầu áp dụng diện rộng. Doanh nghiệp đối mặt với rủi ro gia tăng chi phí tuân thủ, chi phí đầu tư chuyển đổi hoặc nguy cơ mất khách hàng lớn nếu không đáp ứng tiêu chuẩn xanh.

- Rủi ro về an ninh mạng trong quá trình số hóa: Việc đẩy mạnh số hóa (AI, IoT) khiến hệ thống dữ liệu của doanh nghiệp dễ trở thành mục tiêu tấn công mạng. Rủi ro rò rỉ thông tin khách hàng, tê liệt hệ thống điều phối vận hành gây thiệt hại lớn về tài chính và uy tín.
- Rủi ro tài chính từ biến động tỷ giá và giá nhiên liệu: Các bất ổn chính trị đẩy giá dầu thô và khí đốt biến động dị thường. Sự dịch chuyển dòng vốn và chính sách tiền tệ của các nước lớn gây áp lực lên tỷ giá, ảnh hưởng trực tiếp đến biên lợi nhuận của doanh nghiệp.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm và tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Chỉ tiêu	Năm 2025		Năm 2024	Tỷ lệ tăng / giảm	
	Kế hoạch (VNĐ)	Thực hiện (VNĐ)	Thực hiện (VNĐ)	Thực hiện / Kế hoạch 2025	2025 / 2024
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,270,000,000,000	1,398,038,932,181	1,152,738,721,057	110.08%	121.28%
2. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		74,009,229,872	59,227,493,648		124.96%
3. Lợi nhuận khác		216,214,747	96,574,075		223.88%
4. Tổng lợi nhuận trước thuế	65,000,000,000	74,225,444,619	59,324,067,723	114.19%	125.12%
5. Lợi nhuận sau thuế		55,100,055,126	45,433,863,603		121.28%
6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		3,780	3,117		121.27%
7. Cổ tức					
8. Tỷ lệ lãi trước thuế / vốn điều lệ		52.49%	41.95%		125.12%
9. Tỷ lệ lãi sau thuế / vốn điều lệ		38.97%	32.13%		121.28%

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2025 (đã kiểm toán)

- Đánh giá, phân tích kết quả và tình hình kinh doanh: Xem Phần III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ / Vốn điều lệ (%)	
			01/01/2025	31/12/2025
1	Ông Vũ Quốc Bảo	Tổng giám đốc	0,76%	0,79%
2	Bà Nguyễn Anh Nam	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng công ty	0,18%	0,21%

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ / Vốn điều lệ (%)	
			01/01/2025	31/12/2025
3	Bà Nguyễn Đỗ Anh Thư	Giám đốc Pháp chế kiêm Người ủy quyền công bố thông tin	0,11%	0,11%

2.2 Tóm tắt lý lịch Ban điều hành

2.2.1 Tóm tắt lý lịch Ông Vũ Quốc Bảo

- 1) Họ và tên: Vũ Quốc Bảo Nam / Nữ: Nam
- 2) Ngày tháng năm sinh: 31/12/1970 Nơi sinh:
- 3) Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:
- 4) Ngày cấp: Nơi cấp:
- 5) Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- 6) Nguyên quán: Bình Định
- 7) Địa chỉ thường trú:
- 8) Chỗ ở hiện nay:
- 9) Điện thoại: 028 3991 9259 Email:
- 10) Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- 11) Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
Từ 1993 đến 2004	Công tác tại Công ty Vinatrans
Từ 2004 đến 2010	Phó Tổng giám đốc Hãng tàu RCL Việt Nam
Từ 2010 đến 21/09/2023	Phó Tổng giám đốc, Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Logistics Vinalink
Từ 22/09/2023 đến nay	Tổng giám đốc, Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Logistics Vinalink

- 12) Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty Vinalink: *Tổng giám đốc, Thành viên Hội đồng quản trị.*
- 13) Tên các công ty hiện đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý tại tổ chức khác:

STT	Tên công ty	Chức vụ đang nắm giữ	Ghi chú
1	Công ty TNHH Dịch vụ Đại lý Vận chuyển (FC VIETNAM)	Thành viên Hội đồng thành viên	
2	Công ty TNHH Điều hành Vận chuyển Hàng hóa Liên kết (LCM)	Thành viên Hội đồng thành viên	

STT	Tên công ty	Chức vụ đang nắm giữ	Ghi chú
3	CTCP Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Danang)	Ủy viên Hội đồng quản trị	
4	Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật (Konoike Vina)	Thành viên Hội đồng thành viên	
5	Công ty TNHH Hệ thống phần mềm quản lý Logistics (LMS)	Chủ tịch hội đồng thành viên	

14) Số cổ phần đang nắm giữ tại Vinalink: cổ phần. Trong đó:

- Cá nhân sở hữu: cổ phần.
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

15) Lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có): *Không*

16) Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty (nếu có): *Không*

2.2.2 Tóm tắt lý lịch Bà Nguyễn Anh Nam

Họ và tên: Nguyễn Anh Nam Nam / Nữ: Nữ

Ngày tháng năm sinh: Nơi sinh:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

Nguyên quán: Nha Trang

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện nay:

Điện thoại: 028 3991 9259 Email:

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán - Kiểm toán

Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
Từ 01/01/2005 đến 31/12/2011	Nhân viên Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Logistics Vinalink
Từ 01/01/2012 đến 31/08/2015	Phó Trưởng phòng Kế toán Công ty Cổ phần Logistics Vinalink
Từ 01/09/2015 đến 01/07/2016	Quyền Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Logistics Vinalink
Từ 02/07/2016 đến 22/03/2023	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Logistics Vinalink
Từ 23/03/2023 đến nay	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng công ty Công ty Cổ phần Logistics Vinalink

- 1) Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty Vinalink: Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng công ty.
- 2) Tên các công ty hiện đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý tại tổ chức khác:

STT	Tên công ty	Chức vụ đang nắm giữ	Ghi chú
1	Công ty cổ phần Logistics Kim Thành	Thành viên Hội đồng quản trị	
2	Công ty TNHH Vận tải ô tô Vtruck	Thành viên Hội đồng thành viên	

- 3) Số cổ phần đang nắm giữ tại Vinalink: cổ phần.
Trong đó:
 - Cá nhân sở hữu: cổ phần.
 - Đại diện sở hữu: cổ phần.
- 4) Lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có): *Không*
- 5) Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty (nếu có): *Không*

2.2.3 Tóm tắt lý lịch Bà Nguyễn Đỗ Anh Thư

- 1) Họ và tên: Nguyễn Đỗ Anh Thư Nam / Nữ: Nữ
- 2) Ngày tháng năm sinh: Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
- 3) Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:
- 4) Ngày cấp: Nơi cấp: CCS QLHC về TTXH
- 5) Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- 6) Nguyên quán: Quảng Ngãi
- 7) Địa chỉ thường trú:
- 8) Chỗ ở hiện nay:
- 9) Điện thoại: 028 3991 9259 Email:
- 10) Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh (Ngoại thương)
- 11) Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
Từ 06/2003 đến 02/2008	Nhân viên Chứng từ Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải và Thương mại
Từ 03/2008 đến 03/2011	Phó phòng Xuất Đường biển Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải và Thương mại

STT	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên Ban điều hành
1	Ông Vũ Quốc Bảo <i>Tổng giám đốc</i>	31/12/1970	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Bổ nhiệm 22/09/2023.
2	Bà Nguyễn Anh Nam <i>Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng công ty</i>	13/05/1978	Cử nhân Kế toán - Kiểm toán	Bổ nhiệm 23/03/2023.
3	Bà Nguyễn Đỗ Anh Thư <i>Giám đốc Pháp chế kiêm Người được ủy quyền CBTT Công ty</i>	27/03/1976	Cử nhân Quản trị kinh doanh (Ngoại thương)	Bổ nhiệm 23/03/2023.
4	Bà Nguyễn Đỗ Anh Thư <i>Giám đốc Pháp chế kiêm Người phụ trách kiểm toán nội bộ công ty kiêm Người được ủy quyền CBTT Công ty</i>	27/03/1976	Cử nhân Quản trị kinh doanh (Ngoại thương)	Bổ nhiệm 01/05/2024. <i>(Người được ủy quyền CBTT Công ty)</i>
5	Bà Nguyễn Đỗ Anh Thư <i>Giám đốc Pháp chế kiêm Người được ủy quyền CBTT Công ty</i>	27/03/1976	Cử nhân Quản trị kinh doanh (Ngoại thương)	Miễn nhiệm 01/09/2024. <i>(Người phụ trách kiểm toán nội bộ công ty)</i>

2.4 Số lượng cán bộ, nhân viên

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 378 người (trụ sở chính Thành phố Hồ Chí Minh và các chi nhánh Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng).
- Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động: Xem mục 6.6.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1 Các khoản đầu tư lớn

Không phát sinh.

3.2 Các công ty con, công ty liên kết

STT	Tên công ty	Vốn đầu tư	Tỷ lệ	Lợi nhuận cho Vinalink 2025	Lợi nhuận cho Vinalink 2024	Tỉ lệ
		(VNĐ)	/ vốn điều lệ	(VNĐ)	(VNĐ)	tăng / giảm
1	Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	946,800,000	20,00%	3,147,379,135	4,140,218,196	-23.98%
2	Công ty TNHH Dịch vụ Đại lý Vận chuyển (FC Vietnam)	3,918,874,000	30,00%	(476,838,590)	1,456,087,551	-132.75%
3	Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật (Konoike Vina)	4,908,430,302	9,15%	3,294,640,656	2,905,739,352	13.38%
4	Công ty TNHH Điều hành Vận chuyển Hàng hóa Liên kết (LCM)	9,007,800,000	30,00%	5,251,692,740	3,529,045,824	48.81%
5	CTCP Logistics Kim Thành	19,120,589,000	30,00%	1,159,134,479	990,377,492	17.04%
6	CTCP Vận chuyển Vinalink (Vinalink Transport)	4,000,000,000	40,00%	849,964,729	897,586,168	-5.31%
7	Công ty TNHH Hệ Thống Phần Mềm Quản Lý Logistics	1,000,000,000	40,00%	(38,385,117)		

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2025 (đã kiểm toán)

4. Tình hình tài chính

4.1 Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2025 (VNĐ)	Năm 2024 (VNĐ)	%
Tổng giá trị tài sản	522,054,038,331	456,374,409,591	114.39%
Doanh thu thuần	1,398,038,932,181	1,152,738,721,057	121.28%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	74,009,229,872	59,227,493,648	124.96%
Lợi nhuận khác	216,214,747	96,574,075	
Lợi nhuận trước thuế	74,225,444,619	59,324,067,723	125.12%
Lợi nhuận sau thuế	55,100,055,126	45,433,863,603	121.28%
Tỉ lệ lợi nhuận trả cổ tức (cổ tức chi trả / lợi nhuận sau thuế)	38.49%	46.68%	82.46%

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2025 (đã kiểm toán)

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	2.72	3.06	Lần
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:	2.72	3.06	Lần
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>			
Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	37.34%	34.83%	%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	59.60%	53.45%	%
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2.68	2.53	Lần
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3.94%	3.94%	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	16.84%	15.28%	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	10.55%	9.96%	%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	5.29%	5.14%	%

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2025 (đã kiểm toán)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1 Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 14.140.487 cổ phần.
- Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 14.140.487 cổ phần (từ ngày 13/04/2023).
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

5.2 Cơ cấu cổ đông

Số liệu theo danh sách cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink chốt vào ngày 19/03/2026 do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp.

5.2.1 Cổ đông đặc biệt

STT	Tên tổ chức / cá nhân	Số CMND / Hộ chiếu/ĐKKD	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng (**)		
							-1	-2	-3
A. Cổ đông nhà nước: Không có									
B. Cổ đông lớn									
1	CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT	0302511219	10/10/2025	Tầng 8, Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, Phường Cầu Kiệu, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	1,227,145	8.68%			
2	Nguyễn Đức Thắng				712,000	5.04%			
C. Cổ đông chiến lược: Không có									
D. Cổ đông sáng lập / cổ đông FDI (đối với trường hợp TCNY là doanh nghiệp FDI): Không có									
Tổng Cộng (A+B+C+D)					1,939,145	13.71%			

5.2.2 Cổ đông trong nước, cổ đông nước ngoài, cổ đông tổ chức, cổ đông cá nhân

a) **Cổ đông trong nước:** Tổng số 1.059 cổ đông, sở hữu 88,19% cổ phần VNL.

- Cổ đông cá nhân trong nước: 1.049 cổ đông, sở hữu 77.01 % cổ phần VNL.
- Cổ đông tổ chức trong nước: 10 cổ đông, sở hữu 11.18 % cổ phần VNL.

STT	Danh mục	Cổ phiếu nắm giữ	
		Số lượng	Tỷ lệ
1	Cổ đông sở hữu trên 5% cổ phần (1)	1.939.145	13,71%
2	Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5% cổ phần (14)	3.495.035	24,72%
3	Cổ đông sở hữu dưới 1% cổ phần (1043)	7.036.444	49,76%
	Tổng cộng	12.470.624	88,19%

b) **Cổ đông nước ngoài:** Tổng số 51 cổ đông, sở hữu 11,81% cổ phần VNL.

- Cổ đông cá nhân nước ngoài: 37 cổ đông, sở hữu 4,23% cổ phần VNL.

- Cổ đông tổ chức nước ngoài: 14 cổ đông, sở hữu 7,57% cổ phần VNL.

STT	Danh mục	Cổ phiếu nắm giữ	
		Số lượng	Tỷ lệ
1	Cổ đông sở hữu trên 5% cổ phần (0)	0	0%
2	Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5% cổ phần (4)	1.301.265	9,20%
3	Cổ đông sở hữu dưới 1% cổ phần (47)	368.598	2,61%
	Tổng cộng	1.669.863	11,81%

5.2.3 Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49%.

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Không phát sinh.

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không phát sinh.

5.5 Các chứng khoán khác

Không phát sinh.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1 Tác động lên môi trường

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính (GHG): chú trọng vào năng lượng sạch, vật liệu xanh, nâng cao hiệu quả chiếu sáng ...

Cụ thể, Công ty lưu ý tiết kiệm năng lượng (điện) trong công sở, nâng cao hiệu quả sử dụng nhiên liệu của các phương tiện vận tải.

6.2 Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Công ty kinh doanh dịch vụ, không sản xuất nên không sử dụng nguyên vật liệu.

6.3 Tiêu thụ năng lượng

6.3.1 Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

TIÊU THỤ ĐIỆN (Kwh)	2025	2024	%
			+/-
Văn phòng	107.628	114.005	-5,59%
Dịch vụ Kho - Bãi	23.604	18.909	24,83%

6.3.2 Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

- Chỉ sử dụng đèn thấp sáng tại khu vực đang làm việc. Luôn đóng kín các cửa ra vào, cửa sổ để tránh thoát nhiệt.
- Trước khi ra về, nhân viên phải tắt các thiết bị sử dụng điện: máy tính, đèn chiếu sáng, máy điều hòa nhiệt độ ...

- Với những thiết bị điện tử, văn phòng: lưu ý chọn mua các thiết bị văn phòng như máy tính, photocopy, máy in ... có hiệu suất năng lượng cao. Định kỳ thay thế, bảo dưỡng và làm vệ sinh các thiết bị văn phòng.
- Lựa chọn vật liệu áp dụng công nghệ cách nhiệt mới khi thay thế trần và tường cách nhiệt trong văn phòng.
- Thường xuyên khuyến khích cán bộ nhân viên đưa ra những sáng kiến, sắp xếp để tiết kiệm năng lượng.

6.4 Tiêu thụ nước

Mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm:

6.4.1 Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty Cấp nước Sài Gòn

TIÊU THỤ NƯỚC (m ³)	2025	2024	%
			+/-
Văn phòng	1.323	1.342	-1,42%
Dịch vụ Kho - Bãi	2.048	1.842	11,18%

6.4.2 Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Không có.

6.5 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Là doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ, Công ty luôn quan tâm đến việc tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và thực hiện theo hướng dẫn của các cơ quan quản lý môi trường địa phương. Công ty đề ra một số giải pháp để việc bảo vệ môi trường ngày càng tốt hơn:
 - Tiết kiệm giấy, hạn chế in nếu không cần, tận dụng giấy hai mặt cho các tài liệu lưu nội bộ.
 - Phân loại rác thải trước khi chuyển ra đơn vị thu gom rác của địa phương.
 - Nước thải tập trung vào hệ thống thoát nước thành phố.
 - Định kỳ kiểm tra kỹ thuật máy móc thiết bị, máy lạnh, các thiết bị điện, thường xuyên vệ sinh văn phòng, kho bãi và phương tiện vận chuyển.
 - Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân kho.
 - Trồng cây xanh trong khuôn viên.
 - Tuyên truyền, phổ biến và nhắc nhở cán bộ nhân viên về ý thức tiết kiệm điện, nước, nhiên liệu, bảo vệ môi trường trong nội bộ doanh nghiệp.
- Trong năm 2025, Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

6.6 Chính sách liên quan đến người lao động

6.6.1 Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

- Số lượng lao động: 378 người (trụ sở chính Thành phố Hồ Chí Minh, chi nhánh Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng).
- Mức lương tối thiểu: 6.100.000 đ / tháng.
- Mức lương trung bình: 19.000.000 đ / tháng.

6.6.2 Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

a) Các chính sách lao động áp dụng cho người lao động của Công ty

- Thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật (Hợp đồng lao động, chế độ BHXH-BHYT-BHTN).
- Xây dựng nội quy, quy chế bảo vệ đơn vị, bảo vệ bí mật kinh doanh. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền và công an địa phương trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự và phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội trên địa bàn.
- Định kỳ thực hiện đối thoại giữa người sử dụng lao động và người lao động thông qua Công đoàn để kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, nhu cầu và ý kiến đóng góp của người lao động, qua đó điều chỉnh chính sách lao động phù hợp để người lao động yên tâm làm việc và gắn bó với Công ty.
- Các chương trình TEAM BUILDING nghỉ mát thường niên vào mùa hè nhằm gắn kết, tạo sân chơi giao lưu giữa các thành viên trong đại gia đình Vinalink và kỷ niệm ngày thành lập công ty của Vinalink Hà Nội, Vinalink Đà Nẵng, Vinalink Hồ Chí Minh, Vinalink Hải Phòng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe của người lao động

- Hàng năm, tổ chức khám sức khỏe tổng quát và làm một số xét nghiệm chuyên khoa bổ sung cho người lao động nam và nữ.

c) Chính sách lao động nhằm đảm bảo an toàn của người lao động

- Cung cấp đồng phục, trang phục và phương tiện bảo hộ lao động theo tính chất công việc.
- Thực hiện đầy đủ các quy định, nội quy về công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy. Thường xuyên cử nhân viên tham gia các buổi tập huấn các quy định về an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy. Định kỳ tự kiểm tra, nhắc nhở cán bộ nhân viên thực hiện các biện pháp an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy tại các phòng ban.
- Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho người lao động.

d) Chính sách lao động nhằm đảm bảo phúc lợi của người lao động

- Phong trào “Phụ nữ hai giỏi” được duy trì thường xuyên, 100% nữ CBNV đăng ký tham gia, trong đó hàng năm có 98% đạt danh hiệu.
- Khen thưởng cho 150 lượt con CBNV đạt thành tích học giỏi với tổng số tiền 15.000.000 đồng.
- Tổ chức các chương trình cho thiếu nhi nhân dịp Quốc tế Thiếu nhi 01/06 và Tết Trung thu với tổng giá trị quà tặng 100.000.000 đồng.
- Tổ chức họp mặt, giao lưu cho nữ CBNV nhân dịp ngày 08/3 và 20/10 với tổng kinh phí 60.000.000 đồng.
- Duy trì phong trào hiến máu tình nguyện hàng năm tại Vinalink. Hoạt động hiến máu nhân đạo năm 2025 đóng góp hơn 80 đơn vị máu.
- Tổ chức chương trình 01/06 và Trung thu năm 2025 với các hoạt động như trang trí lồng đèn, làm gốm,...
- Tổ chức Hội thi “Khéo tay hay làm” năm 2025 (cắm hoa, gian hàng ẩm thực) và chương trình họp mặt sinh nhật hàng tháng.
- Phối hợp với chính quyền, công đoàn cấp trên và Đoàn Thanh niên triển khai các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao tại TP.HCM, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng và tham gia các chương trình do Công đoàn cấp trên tổ chức.

- Tổ chức chương trình nghỉ mát kết hợp kỷ niệm 26 năm thành lập Công ty tại Phan Thiết, Hạ Long, Đà Nẵng với các hoạt động tập thể như văn nghệ, thời trang, góp phần tăng cường gắn kết nội bộ.
- Vận động đoàn viên tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện: ủng hộ đồng bào lũ lụt, Trường Sa, miền Trung, quỹ vì người nghèo.
- Tổ chức thăm hỏi, tặng quà Tết cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn và hỗ trợ đồng nghiệp khó khăn.

Tổng số tiền vận động, đóng góp cho các hoạt động xã hội, từ thiện trong năm 2025 hơn 180.000.000 đồng.

6.6.3 Hoạt động đào tạo người lao động

- Công ty khuyến khích nhân viên làm chủ việc học tập để làm việc tốt hơn, nâng cao năng lực bản thân và có cơ hội phát triển nghề nghiệp.
- Nhân viên có thể tìm thấy những cơ hội học tập đa dạng tại Vinalink để nâng cao năng lực bản thân và phát triển nghề nghiệp:
 - Học nghiệp vụ chuyên môn và các kỹ năng ngay trong công việc.
 - Huấn luyện, chỉ dẫn, tư vấn từ cấp trên.
 - Tham gia vào những dự án.
 - Tham khảo ý kiến từ những chuyên gia.
 - Tham gia các nhóm làm việc.
 - Học hỏi từ đồng nghiệp.
- Đào tạo nội bộ:
 - Ngày 26/05/2025: Chuyên đề Mastering AI for Work
 - Ngày 09/09/2025: Chuyên đề Ứng dụng AI nâng cao hiệu quả công việc
 - Ngày 23/12/2025: Chuyên đề Quy định và phối hợp về Hành chính - Nhân sự

Các cơ hội học tập và phát triển kỹ năng khác: hoán chuyển công việc; thăm đại lý nước ngoài, khảo sát thị trường, thăm khách hàng; các khóa học theo chủ đề, hội thảo, hội nghị; các chương trình đào tạo chính quy ...

6.7 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Từ khi thành lập đến nay, đội ngũ cán bộ nhân viên Công ty Vinalink luôn có tinh thần trách nhiệm và tích cực tham gia những hoạt động thiết thực thể hiện trách nhiệm xã hội và cộng đồng của doanh nghiệp.

- Trong năm 2025, Công ty vận động người lao động tham gia hiến máu nhân đạo đóng góp hơn 80 đơn vị máu
- Vận động đoàn viên tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện: ủng hộ đồng bào lũ lụt, Trường Sa, miền Trung, quỹ vì người nghèo.
- Tổ chức thăm hỏi, tặng quà Tết cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn và hỗ trợ đồng nghiệp khó khăn.

6.8 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Công ty chưa triển khai các hoạt động liên quan đến thị trường vốn xanh, song luôn quan tâm, cập nhật thông tin và sẽ xem xét kế hoạch tham gia trong tương lai.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả kinh doanh năm 2025

ĐVT: tỉ VND

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	%
Tổng doanh thu	1,398.04	1,152.74	121.28%
Lãi trước thuế	74.23	59.32	125.13%
Lãi sau thuế	55.10	45.43	121.29%
Tỉ lệ lãi trước thuế / vốn điều lệ	52.50%	41.95%	125.13%
Tỉ lệ lãi sau thuế / vốn điều lệ	38.97%	32.13%	121.29%

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2025 (đã kiểm toán)

Tình hình và kết quả kinh doanh năm 2025 có một số điểm nổi bật như sau:

1.1 Về kết quả

- Doanh thu tăng 21,28% so với năm trước và tăng 10,87% kế hoạch năm. Lợi nhuận năm 2025 tăng 25,12% so với năm trước và tăng 14,19% kế hoạch năm. Trong đó lợi nhuận từ kinh doanh trực tiếp tăng 23,44%. Động lực tăng trưởng chính đến từ mảng kinh doanh dịch vụ, đặc biệt là các dịch vụ logistics cung cấp cho các nhà máy ở khu vực phía Bắc, dịch vụ AOG và E-commerce.

1.2 Về tình hình kinh doanh

- Trong năm 2025, hoạt động kinh doanh nghiệp vụ tiếp tục ghi nhận mức tăng trưởng khả quan, chủ yếu đến từ mảng logistics trucking nội địa và dịch vụ khai quan, đặc biệt tại các khu vực phía Bắc như Nghệ An và Nam Định. Công ty tập trung khai thác các mảng dịch vụ cốt lõi, tăng cường làm việc trực tiếp với các supplier, đồng thời mở rộng và nâng cao chất lượng dịch vụ đối với các khách hàng lớn, ổn định và mảng thương mại điện tử.
- Song song đó, Công ty tiếp tục củng cố và phát triển các dịch vụ truyền thống như vận tải hàng không (airfreight), vận tải đường biển (seafreight), dịch vụ consol và logistics nội địa. Đặc biệt, mảng logistics phục vụ nhà máy được xác định là mảng kinh doanh chủ lực, có tính ổn định cao và khả năng khai thác sâu. Trong năm, Công ty đã đẩy mạnh làm việc trực tiếp với các nhà máy tại các khu công nghiệp, đồng thời từng bước mở rộng phạm vi khai thác cũng như duy trì & khai thác thêm các đại lý, nhà cung cấp để có dịch vụ tốt hơn, cạnh tranh hơn.
- Đối với mảng thương mại điện tử, Công ty tiếp tục đầu tư về hạ tầng, nhân sự và hệ thống. Đây là mảng kinh doanh mang tính chiến lược, đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh và vị thế thương hiệu của Công ty trên thị trường. Tuy nhiên, hoạt động trong lĩnh vực này đang chịu áp lực cạnh tranh ngày càng lớn, đặc biệt từ các đối thủ quốc tế có lợi thế về giá.
- Ngoài ra, Công ty tiếp tục tìm kiếm cơ hội phát triển trong các lĩnh vực tiềm năng như dịch vụ cho các hãng hàng không và duy trì khai thác hiệu quả các khách hàng chiến lược.
- Trong công tác điều hành, Công ty duy trì các giải pháp quản trị linh hoạt, nâng cao hiệu quả vận hành thông qua việc ứng dụng công nghệ, tăng cường phối hợp giữa các đơn vị và tổ chức lại đội ngũ kinh doanh, đặc biệt là đội ngũ phụ trách mảng hàng nhà máy, nhằm nâng cao hiệu quả khai thác và phát triển khách hàng.
- Bên cạnh những kết quả đạt được, Công ty cũng đối mặt với một số thách thức như áp lực cạnh tranh về giá trong mảng thương mại điện tử; biến động chính sách thương mại, thuế và địa chính trị; yêu cầu tuân thủ ngày càng cao về hóa đơn, dữ liệu và truy xuất

thông tin; cũng như tình trạng thiếu hụt nguồn nhân lực vận hành, đặc biệt là tài xế tại các khu vực kinh doanh.

Nhìn chung, hoạt động kinh doanh năm 2025 của Công ty duy trì xu hướng tăng trưởng ổn định, phù hợp với định hướng đã đề ra. Các mảng dịch vụ cốt lõi tiếp tục được củng cố, cơ cấu khách hàng được mở rộng và chất lượng dịch vụ từng bước được nâng cao. Đây là nền tảng quan trọng để Công ty tiếp tục triển khai các chiến lược phát triển trong năm 2026.

2. Tình hình tài chính

2.1 Tình hình tài sản

ĐVT: VND

Chỉ tiêu	Số cuối năm 2025	Số đầu năm 2025	%
A. Tài sản ngắn hạn	420,359,708,473	359,500,564,189	116.93%
B. Tài sản dài hạn	101,694,329,858	96,873,845,402	104.98%
Tổng cộng	522,054,038,331	456,374,409,591	114.39%

2.2 Tình hình nợ phải trả

ĐVT: VND

Chỉ tiêu	Số cuối năm 2025	Số đầu năm 2025	%
A. Nợ ngắn hạn	154,577,060,449	117,509,202,975	131.54%
B. Nợ dài hạn	40,365,942,500	41,452,398,460	97.38%
Tổng cộng	194,943,002,949	158,961,601,435	122.64%

2.3 Tình hình các khoản phải thu

ĐVT: VND

Chỉ tiêu	Số cuối năm 2025	Số đầu năm 2025	%
A. Các khoản phải thu ngắn hạn	310,976,975,049	259,548,764,000	119.81%
B. Các khoản phải thu dài hạn	2,368,120,696	2,428,740,880	97.50%
Tổng cộng	313,345,095,745	261,977,504,880	119.61%

Các khoản phải thu và phải trả hầu hết là các khoản nợ phát sinh trong quá trình thực hiện dịch vụ và trong thời hạn thỏa thuận trong sự kiểm soát của Công ty.

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công tác tổ chức và quản lý kinh doanh trong năm tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định, quy trình nghiệp vụ cho phù hợp với thực tế; tăng cường chất lượng dịch vụ, quản lý công nợ chặt chẽ, tăng cường hoạt động giữ khách hàng và sản phẩm dịch vụ.

- Thực hiện việc triển khai hai chương trình quản lý theo tiêu chuẩn ISO bao gồm:
 - + Chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thông tin ISO 27001:2022
 - + Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015

- + Chứng nhận tuân thủ an ninh chuỗi cung ứng CTPAT.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: đã thực hiện theo quy định.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Phương hướng nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2026:

4.1 Về kinh doanh và đầu tư, biện pháp chung

- Mạng logistics và dịch vụ phục vụ nhà máy tiếp tục được xác định là lĩnh vực kinh doanh chủ lực; Công ty đẩy mạnh khai thác trực tiếp các nhà máy trong khu công nghiệp và mở rộng tại các khu vực còn nhiều tiềm năng.
- Tăng cường hợp tác với các đối tác nhằm mở rộng các tuyến vận tải quốc tế, phát triển dịch vụ consol và tạo nền tảng triển khai dịch vụ thương mại điện tử ra thị trường quốc tế.
- Tiếp tục đầu tư và phát triển mạng thương mại điện tử theo hướng nâng cao hạ tầng, nhân sự và hệ thống; đồng thời cải thiện chất lượng dịch vụ để nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng thị phần.
- Duy trì và khai thác hiệu quả các khách hàng chiến lược, đồng thời tìm kiếm cơ hội phát triển các dịch vụ mới, bao gồm các dịch vụ chuyên biệt trong lĩnh vực hàng không và các phân khúc tiềm năng khác.
- Tái tổ chức và nâng cao hiệu quả đội ngũ kinh doanh theo hướng chuyên môn hóa theo từng nhóm khách hàng và dịch vụ, đặc biệt đối với mạng khách hàng nhà máy.
- Tăng cường đầu tư phương tiện vận tải và hạ tầng logistics phù hợp, nhằm nâng cao năng lực vận hành và đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng, bao gồm cả mảng thương mại điện tử và hàng lẻ.
- Nhận diện và chủ động ứng phó với các thách thức chính, bao gồm áp lực cạnh tranh về giá, biến động chính sách, yêu cầu tuân thủ ngày càng cao và khó khăn về nguồn nhân lực vận hành.
- Trên cơ sở đánh giá thị trường, Công ty đặt mục tiêu duy trì tăng trưởng ổn định, đồng thời kiểm soát rủi ro và nâng cao hiệu quả hoạt động trong giai đoạn tới

4.2 Chỉ tiêu chủ yếu:

- Tổng Doanh thu: 1.500 tỷ VND
- Lãi trước thuế : 81 tỷ VND
- Cổ tức : 1.500 VND / cổ phần

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

6.1 Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải ...)

Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn đề cao việc tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và chủ động thực hiện theo các hướng dẫn của cơ quan quản lý địa phương. Các chương trình nội bộ được triển khai nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, tối ưu sử dụng tài nguyên, đảm bảo an toàn lao động và xây dựng môi trường làm việc xanh – sạch – an toàn, qua đó đóng góp tích cực vào phát triển bền vững.

6.2 Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- Việc quản trị nguồn nhân lực của Công ty có một số đặc điểm sau : Chất lượng đội ngũ nhân lực: Trong những năm gần đây, các trường Đại học, Cao đẳng đầu tư hơn về chương trình

học, gắn với thực tế đối với các chuyên ngành xuất nhập khẩu, kinh doanh quốc tế, logistics và vận tải đa phương thức, do vậy có thể đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực có kiến thức căn bản về chuyên ngành cho các doanh nghiệp. Về ngoại ngữ, đội ngũ nhân lực trẻ ngày càng có trình độ tiếng Anh tốt, có thể xử lý các yêu cầu trong giao dịch với đối tác nước ngoài.

- Thách thức trong quản trị nhân sự: Số lượng các công ty trong nước và nước ngoài trong lĩnh vực này mở ra tại Việt Nam ngày càng nhiều, thu hút nhiều nhân lực có trình độ và kinh nghiệm từ các công ty Việt Nam bằng cách nâng mức lương lên cao hơn nhiều. Đội ngũ cán bộ nhân viên hầu hết khá năng động, tự tin, có mong đợi cao và cụ thể về sự phát triển trong nghề nghiệp như thăng tiến, lương và phúc lợi, môi trường làm việc thân thiện và thoải mái. Họ thường xuyên tìm kiếm những cơ hội việc làm có thu nhập tốt hơn, sẵn sàng nhảy việc khi có cơ hội.

- Để đảm bảo tạo môi trường làm việc thuận lợi, tăng cường tính gắn kết cho nhân viên công ty, Ban giám đốc luôn theo dõi tình hình nhân sự, chính sách lương và phúc lợi linh hoạt cho nhân viên, khen thưởng kịp thời, tạo điều kiện cho nhân viên có cơ hội học hỏi, phát triển, cân bằng giữa công việc – gia đình, tăng cường tinh thần đồng đội và sự gắn kết của nhân viên thông qua các hoạt động tập thể, các buổi dã ngoại, tham gia các hoạt động giao lưu văn nghệ - thể thao do Công ty hoặc Công đoàn cấp trên tại TPHCM tổ chức.

6.3 Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trách nhiệm với cộng đồng địa phương và tham gia các chương trình từ thiện xã hội là truyền thống của Vinalink từ khi thành lập đến nay. Ban giám đốc, Công đoàn Công ty và đội ngũ cán bộ nhân viên Vinalink luôn có tinh thần trách nhiệm và tích cực tham gia.

Với những thành tích và nỗ lực vì cộng đồng, Công đoàn Công ty Cổ phần Logistics Vinalink được Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh tặng Cờ với danh hiệu “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2025”.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp. Trong năm 2025, ngoài các phiên họp chính thức, Hội đồng quản trị đã tiến hành lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nhiều quyết định và nội dung quản trị. Hội đồng quản trị đã triển khai các nhiệm vụ được giao và đạt được những kết quả cụ thể trong hoạt động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty

- Trong bối cảnh kinh tế – xã hội trong nước và quốc tế năm 2025 tiếp tục diễn biến phức tạp, chịu ảnh hưởng từ suy giảm kinh tế toàn cầu, nhu cầu tại các thị trường lớn suy yếu và các yếu tố địa chính trị, Hội đồng quản trị đánh giá cao vai trò điều hành linh hoạt, hiệu quả của Ban Giám đốc. Nhờ đó, Công ty đã vượt qua khó khăn, duy trì hoạt động ổn định và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông thường niên đề ra.
- Tổ chức thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
- Công tác tổ chức và điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty: Tổng giám đốc tổ chức và điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty theo đúng các quy định được cho phép trong Giấy phép đăng ký kinh doanh, tuân thủ đúng luật pháp Nhà nước và các quy định liên quan đến công ty cổ phần, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Trong công tác điều hành đã thể hiện tính chủ động, quyết liệt, linh hoạt và hiệu quả cao.

- Đã thực hiện tốt công tác quản trị và công bố thông tin theo quy định đối với công ty niêm yết, tiếp tục là một trong số các công ty Chuẩn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán - IR Awards 2025.

3. Kết quả thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025

- Về kết quả kinh doanh, năm 2025: Các chỉ tiêu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên giao đã được thực hiện vượt mức cao, trong đó Doanh thu đạt 110,87% kế hoạch, lãi trước thuế đạt 114,19% so với kế hoạch. Nguyên nhân kết quả đạt cao ngoài yếu tố thị trường chung có những tiến triển tích cực so với năm 2024, yếu tố quan trọng là việc tổ chức điều hành kinh doanh chủ động, linh hoạt, hiệu quả của Ban Giám Đốc công ty, việc tổ chức thực hiện nghiêm túc và trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc có nhiều thay đổi tích cực; việc xây dựng cơ sở quan hệ đối tác trong ngoài nước và với các khách hàng lớn có kết quả tốt thông qua sự phối hợp chuyên nghiệp và có hiệu quả, nâng cao chất lượng dịch vụ và vị thế công ty trên thị trường.
- Về tổ chức quản trị, Công ty đã hoàn thiện tổ chức bộ máy nhân sự, quy trình nghiệp vụ, hệ thống phần mềm nghiệp vụ, góp phần phát huy hiệu quả tốt trong việc tổ chức quản lý và kinh doanh; đạt Chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thông tin ISO/IEC 27001:2002, Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, Chứng nhận tuân thủ an ninh chuỗi cung ứng CTPAT qua đó, thể hiện sự tuân thủ và đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế của Công ty về bảo mật thông tin, quản lý hiệu quả tài sản thông tin của Công ty, cam kết bảo mật chắc chắn với các đối tác và mở ra nhiều cơ hội kinh doanh toàn cầu trong tương lai; công tác truyền thông được đẩy mạnh, hỗ trợ tích cực cho việc quảng bá sản phẩm dịch vụ, nhận diện thương hiệu trên nhiều nền tảng, tạo được vị thế mới trên thị trường, nhất là trong quan hệ với các đối tác.
- Đã chi cổ tức năm bằng 15% / mệnh giá cổ phần theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 (1.500 VND/cổ phần) .
- Việc thoái vốn tại một số công ty liên kết để đảm bảo tính hiệu quả trong việc sử dụng vốn đã được đặt ra và triển khai song chưa thực hiện được do thị trường chưa thuận lợi.

4. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Định hướng kinh doanh: phát huy nền tảng đã đạt được, tiếp tục khai thác tốt các nguồn lực về vốn, nhân sự, đại lý, tập trung đầu tư và nâng cao chất lượng các dịch vụ cơ bản. Tập trung khai thác tốt các cơ hội kinh doanh một cách linh hoạt và hiệu quả.
- Tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy và quy trình quản lý - nghiệp vụ đảm bảo yêu cầu thống nhất, tập trung và an toàn - hiệu quả trong toàn Công ty. Bổ sung và hoàn thiện nhân sự lãnh đạo, quản lý chủ chốt ở Công ty và các chi nhánh. Xây dựng đội ngũ cán bộ nhân viên chuyên nghiệp, năng động, hiệu quả gắn với việc thực hiện chuyển đổi số, vận dụng nhiều hơn những thành tựu và xu hướng công nghệ mới trong tổ chức thực hiện và kinh doanh dịch vụ.
- Rà soát và đánh giá hoạt động của các công ty liên doanh liên kết, phối hợp với các đối tác nâng cao hiệu quả quản trị và đầu tư, xem xét thoái vốn hoặc tăng vốn ở những dự án cụ thể khi có nhu cầu để tăng hiệu quả sử dụng vốn cho Công ty.
- Triển khai phương án phát hành cổ phiếu ESOP theo quyết định của ĐHĐCĐ.
- Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động xem xét quyết định theo các phương thức phù hợp đảm bảo có lợi nhất cho Công ty.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 - 2029: 5 người.

Trong đó:

- Thành viên độc lập: 02 người.
- Thành viên điều hành: 01 người.
- Thành viên chuyên trách: 01 người.

STT	Thành viên Hội đồng quản trị	Chức vụ	Tỉ lệ sở hữu cổ phần	Thành viên Hội đồng quản trị các công ty khác
1	Ông Nguyễn Nam Tiến	Chủ tịch Hội đồng quản trị	0.76%	Phó chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Dịch vụ Đại lý Vận chuyển (FC Vietnam). Phó chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Điều hành Vận chuyển Hàng hóa Liên kết (LCM). Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Logistics Kim Thành. Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Vận chuyển Vinalink (Vinalink Transport).
2	Ông Vũ Thế Đức	Thành viên Hội đồng quản trị	3.43%	Phó chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH RCL (Việt Nam).
3.	Ông Vũ Quốc Bảo	Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc	0.79%	Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Dịch vụ Đại lý Vận chuyển (FC VIETNAM). Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Điều hành Vận chuyển Hàng hóa Liên kết (LCM). Ủy viên Hội đồng quản trị CTCP Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Danang). Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật (Konoike Vina). Chủ tịch hội đồng thành viên Công ty TNHH Hệ Thống Phần Mềm Quản Lý Logistics (LMS).
4	Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập	0.23%	Giám đốc CTCP Vận chuyển Vinalink (Vinalink Transport).
5	Ông Đỗ Phú Kim	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập	0%	

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị.

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị

1.3.1 Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp. Trong năm 2025, ngoài các phiên họp chính thức, Hội đồng quản trị đã tiến hành lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nhiều quyết định và nội dung quản trị. Hội đồng quản trị đã triển khai các nhiệm vụ được giao và đạt được những kết quả cụ thể trong hoạt động.

1.3.2 Các cuộc họp Hội đồng quản trị trong năm 2025

STT	Thành viên Hội đồng quản trị	Số buổi họp Hội đồng quản trị tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Nam Tiến	12	100%	
2	Ông Vũ Quốc Bảo	12	100%	
3	Ông Vũ Thế Đức	11	92%	<i>Không tham dự trực tiếp do phát sinh công việc; quyền tham dự và biểu quyết được ủy quyền cho Ông Nguyễn Nam Tiến</i>
4	Ông Nguyễn Quốc Huy	12	100%	
5	Ông Đỗ Phú Kim	12	100%	

1.3.3 Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (năm 2025)

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	062/2025/NQ/VNL-HĐQT	23/01/2025	Hội đồng Quản trị thống nhất phương án mua cổ phần phát hành thêm của Công ty cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (mã CK : VMT) như sau : <ol style="list-style-type: none">1) Thống nhất chuyển nhượng toàn bộ 834.840 quyền mua cổ phần phát hành thêm tại VMT cho tổ chức/cá nhân có nhu cầu theo phương thức thỏa thuận với mức phí chuyển nhượng là 2.000 đồng/quyền mua. Thủ tục, cách thức chuyển quyền mua theo thông báo của VMT trong CBTT kèm theo.2) Với số quyền mua không chuyển nhượng được VNL sẽ không thực hiện quyền mua.

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
2	140/2025/NQ/VNL-HĐQT	25/02/2025	<ol style="list-style-type: none"> 1) Thời gian tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2025: ngày 17/04/2025. Nội dung chương trình, địa điểm tổ chức, tài liệu Đại hội sẽ được chuẩn bị và công bố thông tin theo quy định. 2) Kế hoạch tạm ứng chi cổ tức đợt 2/2024 (mức chi 5%, ngày chi 03/04/2025). 3) Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHCĐ năm 2025 và chi cổ tức đợt 2/2024: 19/03/2025.
3	205/2025/NQ/VNL-HĐQT	25/03/2025	<ol style="list-style-type: none"> 1) Thông qua địa điểm tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 ngày 17/04/2025. 2) Thông qua các tài liệu họp tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. 3) Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh và quỹ lương năm 2025.
4	267/2025/NQ/VNL-HĐQT	07/05/2025	<ol style="list-style-type: none"> 1) Thông qua phương án nhận chuyển nhượng 40% vốn điều lệ của cty TNHH Hệ Thống Phần Mềm Quản Lý Logistics (LMS). 2) Thông qua cơ cấu quản lý Công ty LMS sau chuyển nhượng.
5	292 /2025/NQ/VNL-HĐQT	22/05/2025	<ol style="list-style-type: none"> 1) Thực hiện chi cổ tức đợt 3 (đợt cuối) năm 2024 bằng tiền cho cổ đông Vinalink như sau: + Tỷ lệ thực hiện: 5% / cổ phần (01 cổ phần được nhận 500 đồng). + Ngày thanh toán: dự kiến 25/06/2025. 2) Ngày đăng ký cuối cùng cho việc chốt danh sách cổ đông để thanh toán cổ tức đợt 3 (đợt cuối) năm 2024: 10/06/2025.
6	318 /2025/NQ/VNL-HĐQT	06/06/2025	<ol style="list-style-type: none"> 1) Chi thưởng từ phần còn lại Quỹ HĐQT- BKS 2024 trên cơ sở căn cứ tỷ lệ mức thù lao và thời gian thực hiện công việc.
7	339 /2025/NQ/VNL-HĐQT	16/06/2025	<ol style="list-style-type: none"> 1) Chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2025.
8	472 /2025/NQ/VNL-HĐQT	07/08/2025	<ol style="list-style-type: none"> 1) Thông qua báo cáo kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2025 và phương hướng kinh doanh 6 tháng cuối năm 2025. 2) Thông qua tờ trình số 464 /2025/TTr/VNL-ADM về việc xử lý nợ khó đòi của Công ty Gia Bảo Hưng đã được trích lập dự phòng. Phòng kế toán Công ty theo dõi thực hiện, báo cáo theo hướng dẫn và quy định của thông tư 48/2019/TT-BTC. 3) Thông qua tờ trình số 465 /2025/TTr/VNL-ADM về Phương án điều chỉnh tổ chức bộ máy kế toán của Công ty và chi nhánh.

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
9	474 /2025/QĐ/VNL-HĐQT	07/08/2025	1) Quyết định miễn nhiệm thành viên Kiểm toán nội bộ đối với Bà Vũ Thị Thanh Xuân.
10	497/2025/NQ/VNL-HĐQT	13/08/2025	1) Miễn nhiệm chức vụ thành viên kiểm toán nội bộ của Công ty của Bà Nguyễn Đỗ Anh Thư từ ngày 15/08/2025. 2) Bổ nhiệm các nhân sự sau đây là thành viên kiểm toán nội bộ của Công ty từ ngày 15/08/2025. + Ông Nguyễn Minh Quang. Chức vụ tại Công ty : Trưởng phòng + Bà Nguyễn Thị Phương Linh. Chức vụ tại Công ty : Nhân viên phòng Quản trị hành chính
11	757/2025/NQ/VNL-HĐQT	06/10/2025	1) Thực hiện chi tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2025 bằng tiền cho cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink như sau: + Tỷ lệ thực hiện: 7%/ cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 700 đồng). Ngày thanh toán: 11/11/2025. 2) Ngày đăng ký cuối cùng cho việc chốt danh sách cổ đông để chi tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2025 bằng tiền: 28/10/2025.
12	889/2025/NQ/VNL-HĐQT	12/12/2025	1) Thông qua Báo cáo tình hình và KQKD (dự kiến) năm 2025 của Công ty ; Phương hướng và dự kiến chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh , đầu tư năm 2026. 2) Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động Kiểm toán nội bộ năm 2025 và kế hoạch Kiểm toán nội bộ năm 2026.

Nguồn: Báo cáo tình hình Quản trị Công ty năm 2025

1.3.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

- Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập:
 - Ông Nguyễn Quốc Huy.
 - Ông Đỗ Phú Kim.
- Thành viên Hội đồng quản trị độc lập tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình, góp phần giúp Hội đồng quản trị giám sát, điều hành hoạt động của Công ty theo đúng định hướng phát triển. Với kiến thức và kinh nghiệm của mình, các thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã đưa ra những ý kiến xác thực, có chuyên môn và thể hiện tinh thần độc lập. Trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã có phản biện các đề xuất định hướng chiến lược, kế hoạch kinh doanh; theo dõi hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc theo Điều lệ của công ty.
- Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban chuyên môn của Hội đồng quản trị.

1.3.5 Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

Trong năm 2025, Công ty đã cử Thư ký Công ty – Người phụ trách quản trị Công ty tham dự Chương trình đào tạo về Quản trị Công ty cho Công ty đại chúng do Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức, diễn ra trong thời gian từ ngày 04/10/2025 đến ngày 05/10/2025 tại Thành phố Hồ Chí Minh, nhằm đáp ứng yêu cầu về đào tạo và nâng cao năng lực quản trị theo quy định. Ngoài ra, các bộ quản lý đã tham dự nhiều hội nghị, hội thảo theo hình thức trực tiếp và trực tuyến nhằm trao đổi kiến thức và chia sẻ kinh nghiệm về quản trị công ty, nâng cao năng lực quản trị và điều hành, chuyển đổi số, quản trị rủi ro và các nội dung liên quan khác.

2. Ban Kiểm soát

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Số lượng thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024 - 2029: 3 người.

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Tỉ lệ sở hữu cổ phần
1	Bà Phan Phương Tuyên	Trưởng Ban kiểm soát	0.05%
2	Bà Lê Thị Ngọc Anh	Thành viên Ban kiểm soát	0.02%
3	Ông Dương Trần An	Thành viên Ban kiểm soát	0.14%

2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát

- Trong năm, Ban kiểm soát đã tổ chức 03 cuộc họp theo định kỳ và Trưởng Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty.
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định theo Điều lệ Công ty.
- Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các quy chế mà Công ty đã ban hành trong việc quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị và Ban điều hành.
- Kiểm tra công tác tài chính, kế toán và việc tuân thủ các quy định liên quan của pháp luật.
- Soát xét, thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng và Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán.

2.3 Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả giám sát tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính của Công ty

2.3.1 Về kết quả kinh doanh

Trong năm 2025, Công ty đã xuất sắc đạt vượt mức kế hoạch được giao về cả chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận.

Cụ thể:

Đơn vị tính: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2025	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN / KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN 2024	2025/2024
DOANH THU	1.398	1.270	110%	1.152	121%
LÃI TRƯỚC THUẾ	74	65	114%	59	125%

Điều này nhờ vào sự lãnh đạo đúng đắn tài tình của Ban Giám đốc Công ty. Ban Giám đốc đã trình Hội đồng quản trị xem xét và duyệt những thay đổi trong tổ chức, bộ máy quản lý và đã có những phương án kinh doanh linh hoạt, kịp thời, thích ứng với diễn biến của thị trường.

2.3.2 Về mặt quản lý, điều hành trong tài chính, kinh doanh

- Do Công ty có những dịch vụ khá mới, đặc thù như E- Commerce, ... nên Công ty đã nghiên cứu để xây dựng khâu quản lý cho phù hợp như tổ chức lại đội ngũ Sale, Team các nhà máy...

Với phương châm: nhân sự là tài sản lớn nhất của Công ty, Công ty đã có những chính sách phù hợp khuyến khích nhân viên, nhất là những bạn trẻ, ham học hỏi, chịu khó làm việc trong những điều kiện đặc thù như làm đêm do lệch giờ với đối tác Và Vinalink đã đạt top 10 doanh nghiệp có môi trường làm việc tốt nhất trong ngành Logistics.

- Trong năm 2025, Công ty đã tiến hành thay đổi toàn bộ hệ thống Kế toán ở Công ty và chi nhánh.

Với mục đích tổ chức bộ máy kế toán chuyên nghiệp, quản lý tập trung tại trụ sở chính, và đảm bảo tính chuyên môn và xuyên suốt, đồng bộ từ Công ty đến các chi nhánh.

- Đào tạo về Quản trị Công ty:
Trong năm, Người phụ trách Quản trị Công ty đã tham gia lớp đào tạo về “Quản trị Công ty cho Công ty Đại chúng” của Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo chứng khoán tổ chức. Điều này nhằm đáp ứng về yêu cầu đào tạo và nâng cao năng lực quản trị của người phụ trách theo quy định.

Các cấp quản lý cũng thường xuyên tham gia các hội thảo, hội nghị dưới hình thức trực tiếp và trực tuyến về các vấn đề liên quan kinh doanh, quản lý. Qua đó, mọi người có thể trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, nâng cao năng lực quản trị, điều hành, kiểm soát rủi ro và các vấn đề cần thiết khác.

2.3.3 Về thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

- Công ty đã tuân thủ và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ mà Nghị quyết đề ra: Tiến hành chi cổ tức 15% bằng tiền đúng theo Nghị quyết.

Hoạt động của Ban Kiểm soát nội bộ: Trong năm, Ban Kiểm soát nội bộ đã thực hiện được 1 trong 2 chuyên đề theo kế hoạch được giao là “**Quy trình phối hợp giữa phòng hàng không HCM với bộ phận Sales/ Nonsales**”.

Kết quả: từ khuyến nghị của Ban KTNB, Phòng Hàng Không đã có những sửa đổi, chấn chỉnh trong công tác quản lý công việc, nhân sự và xây dựng mối quan hệ hợp lý với khách hàng và đối tác.

2.3.4 Về tuân thủ các quy định của pháp luật

- Công ty đã thực hiện đầy đủ, tuân thủ đúng các quy định về báo cáo, hạch toán kế toán, tài chính, các nội dung và yêu cầu của việc công bố thông tin theo pháp luật hiện hành.

2.3.5 Thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2025 đã kiểm toán

- Báo cáo tài chính được lập theo đúng Chuẩn mực Kế toán Việt nam, chế độ Kế toán Doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt nam.

2.3.6 Báo cáo về kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc

- HDQT và Ban Giám đốc đã triển khai đúng các nội dung hoạt động theo tinh thần Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025. Ban Điều hành đã thực hiện việc kinh doanh theo đúng các quy định được phép trong Giấy phép kinh doanh, tuân thủ theo đúng luật pháp Nhà nước và các quy định dành cho Công ty cổ phần.

- Trong các cuộc họp HĐQT, các thành viên đã cùng Ban Giám đốc phân tích, đánh giá tình hình kinh doanh và đưa ra những chỉ đạo sát sao, kịp thời phù hợp với tình hình kinh doanh phát sinh đầy biến động và khó khăn trong năm.

2.3.7 Báo cáo về kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

- HĐQT & Ban Giám đốc Công ty đã hỗ trợ BKS thực hiện đầy đủ công việc theo chức năng và nhiệm vụ BKS. Các phòng ban đã cung cấp đầy đủ số liệu, tài liệu và thông tin liên quan đến hoạt động của Công ty;
- Trưởng BKS được tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và được cung cấp các tài liệu họp cùng thời gian với các thành viên HĐQT.
- Công ty đã xử lý khoản trích lập Nợ khó đòi của Công ty TNHH Gia Bảo Hưng theo đề nghị của Ban Kiểm Soát.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

3.1.1 Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Mức thù lao và quỹ Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024 là 3% lợi nhuận sau thuế. Trong đó mức thù lao cụ thể như sau:

- Thành viên HĐQT: 5 triệu đồng / tháng
- Trưởng Ban kiểm soát: 5 triệu đồng / tháng
- Thành viên Ban Kiểm soát: 3 triệu đồng / tháng

Nếu chuyên trách hưởng lương công ty thì chỉ có thù lao chức danh kiêm nhiệm tại các công ty liên doanh.

3.1.2 Thù lao và thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty

- Thù lao thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nằm trong hạn mức đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2025 phê duyệt.
- Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được nhận trong năm 2025 như sau:

Thù lao của Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Thù lao (VND)
1	Ông Nguyễn Nam Tiến	Chủ tịch HĐQT	147.500.000
2	Ông Vũ Quốc Bảo	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	179.000.000
3	Ông Vũ Thế Đức	Thành viên HĐQT không điều hành	167.000.000
4	Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên HĐQT độc lập	155.000.000
5	Ông Đỗ Phú Kim	Thành viên HĐQT độc lập	155.000.000
Tổng cộng			803.500.000

Thù lao của Ban kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Thù lao (VND)
1	Bà Phan Phương Tuyền	Trưởng Ban Kiểm Soát	125.000.000
2	Bà Lê Thị Ngọc Anh	Thành viên Ban Kiểm Soát	46.500.000
3	Ông Dương Trấn An	Thành viên Ban Kiểm Soát	46.500.000
Tổng cộng			218.000.000

- Chi tiết các khoản thu nhập khác theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025.

3.2 Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Nguyễn Nam Tiến	Chủ tịch HĐQT	114.140	0,81%	107.140	0,76%	Bán
2	Vũ Quốc Bảo	Tổng Giám đốc	108.000	0,76%	111.200	0,79%	Mua
3	Nguyễn Anh Nam	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty	25.000	0,18%	30.000	0,21%	Mua
4	Nguyễn Thị Hồng Vân	Thư ký – Người phụ trách quản trị Công ty	6.900	0,05%	2.200	0,02%	Bán

Nguồn: Báo cáo tình hình Quản trị Công ty năm 2025

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Trong năm 2025, Công ty đã có các giao dịch giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ như sau:

S T T	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với Công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/	Ghi chú
1	Cty TNHH RCL Việt Nam	Cty liên doanh	782/GP-HCM 14/1/2005 UBND TPHCM	436-438 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, TPHCM	Cả năm 2025	66/2021/N Q/VNL-HĐQT 12/1/2021	Cung cấp dịch vụ: 0 Sử dụng dịch vụ: 2.623.904.221	
2	Cty TNHH DV đại lý vận chuyên (FC Vietnam)	Cty liên doanh	550/ GP-HCM 15/10/2003 UBND TPHCM	46-48 Hậu Giang, Phường Tân Sơn Nhất, TPHCM	Cả năm 2025	66/2021/N Q/VNL-HĐQT 12/1/2021	Cung cấp dịch vụ: 853.816.806 Sử dụng dịch vụ: 46.670.215	
3	Cty TNHH Vận tải Việt – Nhật (Konoike Vina)	Cty liên doanh	4110220003 05 18/8/2008 UBND TPHCM	18A Lưu Trọng Lư, Phường Tân Thuận, TPHCM	Cả năm 2025	66/2021/N Q/VNL-HĐQT 12/1/2021	Cung cấp dịch vụ: 3.573.069.439 Sử dụng dịch vụ: 255.229.100	
4	Cty CP Vận chuyên Vinalink (Vinalink Transport)	Cty liên kết	313412467 17/4/2020 Sở KH & ĐT TPHCM	Lầu 3, Indochina Park Tower, 4 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Tân Định, TPHCM	Cả năm 2025	66/2021/N Q/VNL-HĐQT 12/1/2021	Cung cấp dịch vụ: 57.250.000 Sử dụng dịch vụ: 102.971.687	
5	Công ty cổ phần Vinafreight (VNF)	Cổ đông lớn	302511219 14/1/2002 Sở KH & ĐT TPHCM	Tầng 8, Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, số 82 Trần Huy Liệu, Phường Cầu Kiệu, Tp.HCM	Cả năm 2025	66/2021/N Q/VNL-HĐQT 12/1/2021	Cung cấp dịch vụ: 421.140.008 Sử dụng dịch vụ: 579.160.406	
6	Công ty TNHH Hệ thống phần mềm quản lý Logistics (LMS)	Cty liên kết	317142892 27/1/2022 Sở Tài Chính TP. Hồ Chí Minh	Số 10 Nguyễn Văn Tráng, Phường Bến Thành, TPHCM	Cả năm 2025	267/2025/N Q/VNL-HĐQT	Cung cấp dịch vụ: 0 Sử dụng dịch vụ: 710.000.000	

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025, Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2025

3.4 Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính

Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam.

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán lập ngày 25 tháng 03 năm 2026 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

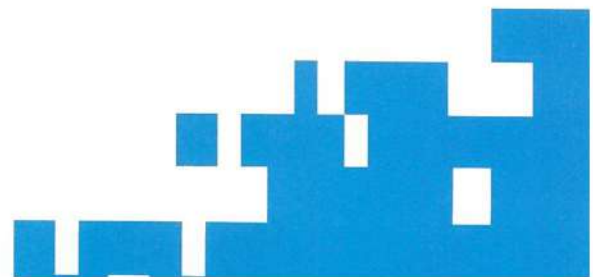
TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Quốc Bảo

**CÔNG TY CỔ PHẦN
LOGISTICS VINALINK**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 39

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Nam Tiến	Chủ tịch
Ông Vũ Quốc Bảo	Thành viên
Ông Vũ Thế Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên
Ông Đỗ Phú Kim	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Phan Phương Tuyên	Trưởng ban
Bà Lê Thị Ngọc Anh	Thành viên
Ông Dương Trần An	Thành viên

Ông Vũ Quốc Bảo là Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính đính kèm phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Vũ Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2026

Số: 312/2026/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2026 từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2023-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2026

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.



Đỗ Thành Đạt
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
6288-2023-026-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		420.359.708.473	359.500.564.189
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	83.267.517.510	85.191.102.924
1. Tiền	111		44.267.517.510	55.191.102.924
2. Các khoản tương đương tiền	112		39.000.000.000	30.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.5	20.000.000.000	10.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		20.000.000.000	10.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		310.976.975.049	259.548.764.000
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	296.263.542.140	267.566.341.972
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		12.926.499.230	853.273.822
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		3.093.276.910	2.238.916.006
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.306.343.231)	(11.109.767.800)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.115.215.914	4.760.697.265
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		487.992.745	522.250.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.102.990.977	3.714.215.073
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.7	524.232.192	524.232.192
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		101.694.329.858	96.873.845.402
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.368.120.696	2.428.740.880
1. Phải thu dài hạn khác	216		2.368.120.696	2.428.740.880
II. Tài sản cố định	220		46.772.248.288	43.593.419.022
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.3	20.233.359.392	17.207.169.022
Nguyên giá	222		55.118.627.607	51.916.314.584
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.885.268.215)	(34.709.145.562)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.4	26.538.888.896	26.386.250.000
Nguyên giá	228		27.155.000.000	26.670.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(616.111.104)	(283.750.000)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.5	52.180.106.184	50.020.971.705
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		42.902.493.302	50.686.493.302
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		9.510.150.000	726.150.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(232.537.118)	(1.391.671.597)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		373.854.690	830.713.795
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		373.854.690	830.713.795
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		522.054.038.331	456.374.409.591

(Xem tiếp trang sau)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		194.943.002.949	158.961.601.435
I. Nợ ngắn hạn	310		154.577.060.449	117.509.202.975
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.6	85.076.205.446	68.777.793.699
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.491.076.522	518.973.987
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.7	10.419.588.136	7.385.669.130
4. Phải trả người lao động	314	4.8	39.099.550.892	24.639.675.438
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		8.032.232.412	9.843.483.861
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.9	8.482.389.622	5.546.589.441
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		976.017.419	797.017.419
II. Nợ dài hạn	330		40.365.942.500	41.452.398.460
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	4.10	7.500.000.000	9.500.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.9	32.865.942.500	31.952.398.460
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		327.111.035.382	297.412.808.156
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.11.1	327.111.035.382	297.412.808.156
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	4.11.2	141.404.870.000	141.404.870.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		141.404.870.000	141.404.870.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.950.000.000	4.950.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		10.000.000.000	10.000.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		170.756.165.382	141.057.938.156
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		125.554.451.156	102.694.318.053
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		45.201.714.226	38.363.620.103
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		522.054.038.331	456.374.409.591



Vũ Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

(Handwritten signature)

Nguyễn Anh Nam
Kế toán trưởng

(Handwritten signature)

Lê Thị Thanh Thanh
Người lập

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.398.038.932.181	1.152.738.721.057
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.1	1.398.038.932.181	1.152.738.721.057
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	1.301.774.816.786	1.072.332.608.532
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		96.264.115.395	80.406.112.525
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	19.236.742.519	15.242.999.635
6. Chi phí tài chính	22		7.504.728.323	5.587.169.444
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.4	33.986.899.719	30.834.449.068
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		74.009.229.872	59.227.493.648
9. Thu nhập khác	31		420.517.352	226.574.075
10. Chi phí khác	32		204.302.605	130.000.000
11. Lợi nhuận khác	40		216.214.747	96.574.075
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		74.225.444.619	59.324.067.723
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.6	19.125.389.493	13.890.204.120
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		55.100.055.126	45.433.863.603
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.11.4	3.780	3.117
16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.11.4	3.780	3.117



Vũ Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Nam
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thanh
Người lập

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		74.225.444.619	59.324.067.723
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.5	2.748.798.188	2.326.884.093
Các khoản dự phòng	03		(10.962.559.048)	(684.166.856)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		479.374.070	588.024.584
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8.501.477.222)	(5.886.404.420)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		57.989.580.607	55.668.405.124
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(42.698.860.805)	(66.970.223.363)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		32.274.799.087	34.881.073.492
Tăng giảm chi phí trả trước	12		491.116.360	613.439.245
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.7	(16.136.647.425)	(10.831.684.631)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.235.500.000)	(1.354.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		30.684.487.824	12.006.509.867
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.927.627.454)	(2.932.131.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		420.370.364	226.574.075
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(10.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	20.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.000.000.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.905.331.515	5.556.444.045
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.601.925.575)	22.850.887.120

(Xem tiếp trang sau)

205.C
Y
N
CS
VK
CHI MINH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.11.5	(24.038.827.900)	(16.968.584.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(24.038.827.900)	(16.968.584.400)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM				
(50 = 20 + 30 + 40)	50		(1.956.265.651)	17.888.812.587
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		85.191.102.924	67.187.750.644
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		32.680.237	114.539.693
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM				
(70 = 50 + 60 + 61)	70	4.1	83.267.517.510	85.191.102.924



Vũ Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Nam
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thanh
Người lập

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2026



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Logistics Vinalink trước đây là Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng, được thành lập theo:

- Quyết định số 0776/1999/QĐ/BTM ngày 24 tháng 06 năm 1999 về chuyển đổi Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 064162 ngày 31 tháng 07 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Ngày 22 tháng 05 năm 2014, Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Logistics Vinalink theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301776205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 07 tháng 10 năm 2025 để cập nhật địa chỉ trụ sở chính.

Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 90/QĐ-SGDHCM ngày 10 tháng 08 năm 2009 do Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 226/2 Lê Văn Sỹ, phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 141.404.870.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 371 người (31/12/2024: 339 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ vận tải.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động logistics;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Kinh doanh vận tải nội địa và quá cảnh (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển);
- Chuyển phát;
- Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không);
- Các dịch vụ về vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu. Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, đại lý quản lý container cho các hãng tàu; cung ứng tàu biển. Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài. Kinh doanh vận tải hàng hóa công cộng. Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu. Dịch vụ thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu: tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, kiểm kiện. Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Kinh doanh các dịch vụ về kho gom hàng lẻ xuất nhập khẩu (CFS). Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu. Kinh doanh kho bãi theo quy định của pháp luật.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**1.5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính**

Trong năm 2025, doanh thu của Công ty ghi nhận mức tăng trưởng 21% so với năm trước. Biến động này chủ yếu xuất phát từ sự gia tăng khối lượng giao dịch trên thị trường xuất nhập khẩu, dẫn đến sự tăng trưởng tương ứng về nhu cầu đối với các dịch vụ logistics. Trong đó, mảng vận chuyển đường biển đóng góp tỷ trọng lớn vào tổng doanh thu và kết quả kinh doanh chung. Theo đó, giá vốn cung cấp dịch vụ và lợi nhuận gộp biến động theo xu hướng cùng chiều với doanh thu.

Bên cạnh đó, các biến động về tỷ giá hối đoái trong năm 2025 cũng trực tiếp tác động đến quy mô doanh thu tài chính và chi phí tài chính của Công ty trong năm.

1.6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có các công ty liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

<u>Tên</u>	<u>Ngành nghề hoạt động chính</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>
Công ty liên doanh, liên kết:					
Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	Lô KB4, đường Khúc Thừa Dụ, Khu cửa khẩu Kim Thành, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai	30,00%	56,52%	56,52%
Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết	Cung cấp dịch vụ đại lý vận chuyển quốc tế	Số 30 đường Phan Thúc Duyệt, phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty Cổ Phần Vận Chuyển Vinalink	Dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; gửi hàng; giao nhận hàng hóa; hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan	Số 4 Nguyễn Đình Chiểu, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật	Cung cấp dịch vụ vận tải và giao nhận hàng đông lạnh, hàng hóa xuất nhập khẩu; dịch vụ xây dựng và cho thuê kho bãi; dịch vụ xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị, nhà xưởng	18A Lưu Trọng Lư, phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh	25,00%	9,15%	9,15%
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển	Cung cấp dịch vụ đại lý vận chuyển quốc tế	Số 46-48 đường Hậu Giang, phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh	50,00%	30,00%	30,00%
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	Cung cấp dịch vụ đại lý vận tải biển, làm đại lý container, thực hiện các nghiệp vụ khác theo ủy quyền	Số 436 - 438 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh	33,33%	20,00%	20,00%
Công ty TNHH Hệ thống phần mềm quản lý Logistics	Lập trình, tư vấn hệ thống quản lý Logistics; Phân tích thiết kế hệ thống Logistics	Số 10, Nguyễn Văn Tráng, phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh	40,00%	40,00%	40,00%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.6. Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2025 gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0113000049 ngày 29 tháng 12 năm 2000. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-001 với lần thay đổi gần nhất là vào ngày 18 tháng 10 năm 2025 do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp. Ngành nghề hoạt động chính của chi nhánh là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0213005696 ngày 22 tháng 09 năm 2009. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-002 với lần thay đổi gần nhất là vào ngày 24 tháng 11 năm 2025 do Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng cấp. Ngành nghề hoạt động chính của chi nhánh là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Chi nhánh tại Đà Nẵng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-003 ngày 17 tháng 05 năm 2018 với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 16 tháng 10 năm 2025 do Sở Tài chính Thành phố Đà Nẵng cấp. Ngành nghề hoạt động chính của chi nhánh là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính, cùng với các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng đối với việc ghi nhận doanh thu và chi phí trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank);
- Tỷ giá áp dụng đối với việc ghi nhận các khoản tài sản và công nợ là tỷ giá hạch toán từ 25.000 VND/USD đến 26.000 VND/USD;
- Tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá hạch toán từ 25.000 VND/USD đến 26.000 VND/USD.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.4. Đầu tư tài chính (tiếp theo)

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư vào công ty liên doanh

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên doanh khi Công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết, công ty liên doanh và đơn vị khác

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng tổn thất được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư khác được tính dựa trên giá trị hợp lý nếu giá trị hợp lý được xác định một cách đáng tin cậy. Nếu không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

3.5. Nợ phải thu

Nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, và phải thu khác theo nguyên tắc: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người mua là đơn vị độc lập với người bán; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 25 năm |
| ▪ Máy móc, thiết bị | 05 - 08 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 11 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 08 năm |

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại Số 226/2 Lê Văn Sỹ, phường 1, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Số 226/2 Lê Văn Sỹ, phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam).

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích là từ 03 – 06 năm.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.8. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là các khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.9. Lương

Căn cứ trên Quỹ lương được duyệt của Hội đồng quản trị.

3.10. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận là lợi nhuận nhận trước từ hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh từ đối tác. Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu phù hợp với thời gian hợp tác được quy định trên hợp đồng.

3.11. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Việc trích lập quỹ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.12. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.13. Giá vốn cung cấp dịch vụ

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

3.14. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.15. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch;
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Cước vận tải quốc tế: 0%;
- Dịch vụ liên quan vận tải đa phương thức và dịch vụ khác: 10%.

Theo Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa và dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026. Cụ thể, các dịch vụ liên quan vận tải đa phương thức và dịch vụ nội địa khác do Công ty cung cấp được áp dụng thuế suất thuế GTGT 8%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.18. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.19. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Tổng Giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tiền mặt	1.106.844.553	837.044.737
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	43.160.672.957	54.354.058.187
Các khoản tương đương tiền (*)	39.000.000.000	30.000.000.000
Cộng	83.267.517.510	85.191.102.924

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng bằng VND tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam và Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) với lãi suất từ 3,6%/năm đến 4,2%/năm.

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm Mục 7	130.886.233	101.999.641
Phải thu khách hàng trong nước:	243.070.151.154	248.629.784.210
<i>Công ty TNHH Techtronic Industries Việt Nam Manufacturing</i>	68.018.657.880	66.767.011.751
<i>Công ty TNHH Green Planet Distribution Centre</i>	37.547.772.293	32.544.105.245
<i>Công ty Cổ phần Hàng Không Vietjet</i>	13.320.795.234	36.882.062.573
<i>Công ty TNHH Công Nghiệp Intco Việt Nam</i>	11.261.941.445	9.386.619.948
<i>Công ty TNHH Giao Nhận Daijin Việt Nam</i>	4.769.429.825	6.612.748.305
<i>Các khách hàng khác (*)</i>	108.151.554.477	96.437.236.388
Phải thu khách hàng nước ngoài:	53.062.504.753	18.834.558.121
<i>Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited</i>	27.615.060.379	6.919.764.432
<i>Amazon.com Services LLC</i>	18.478.373.684	4.765.404.071
<i>APG Australia Post Global Ecommerce Solutions (Aust)</i>	3.401.385.309	2.697.106.529
<i>Khách hàng nước ngoài khác</i>	3.567.685.381	4.452.283.089
Cộng	296.263.542.140	267.566.341.972

(*) Tại ngày 31/12/2025, mỗi khoản phải thu các khách hàng khác có số dư nhỏ hơn 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.3. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2025	21.838.529.093	667.950.476	28.111.731.511	1.298.103.504	51.916.314.584
Tăng trong năm	140.300.000	-	4.960.327.454	342.000.000	5.442.627.454
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.240.314.431)	-	(2.240.314.431)
Tại ngày 31/12/2025	21.978.829.093	667.950.476	30.831.744.534	1.640.103.504	55.118.627.607
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2025	10.782.042.480	471.045.298	22.739.989.296	716.068.488	34.709.145.562
Khấu hao trong năm	811.183.761	73.113.516	1.356.034.817	176.104.990	2.416.437.084
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.240.314.431)	-	(2.240.314.431)
Tại ngày 31/12/2025	11.593.226.241	544.158.814	21.855.709.682	892.173.478	34.885.268.215
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2025	11.056.486.613	196.905.178	5.371.742.215	582.035.016	17.207.169.022
Tại ngày 31/12/2025	10.385.602.852	123.791.662	8.976.034.852	747.930.026	20.233.359.392

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 21.442.756.865 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.4. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2025	26.130.000.000	540.000.000	26.670.000.000
Mua sắm trong năm	-	485.000.000	485.000.000
Tại ngày 31/12/2025	26.130.000.000	1.025.000.000	27.155.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2025	-	283.750.000	283.750.000
Khấu hao trong năm	-	332.361.104	332.361.104
Tại ngày 31/12/2025	-	616.111.104	616.111.104
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2025	26.130.000.000	256.250.000	26.386.250.000
Tại ngày 31/12/2025	26.130.000.000	408.888.896	26.538.888.896

Nguyên giá của TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 460.000.000 VND.

4.5. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam với lãi suất từ 4,4%/năm đến 5,0%/năm tại ngày 31/12/2025.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Đầu tư tài chính dài hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2025			Tại ngày 01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:						
Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	19.120.589.000		(232.537.118)	19.120.589.000		(1.391.671.597)
Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết	9.007.800.000		-	9.007.800.000		-
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	4.000.000.000		-	4.000.000.000		-
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật	4.908.430.302		-	4.908.430.302		-
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển	3.918.874.000		-	3.918.874.000		-
Công ty TNHH Hệ Thống Phần Mềm Quản Lý Logistics	1.000.000.000		-	-		-
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	946.800.000		-	946.800.000		-
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (**)	-		-	8.784.000.000	14.932.800.000	-
Cộng	42.902.493.302		(232.537.118)	50.686.493.302		(1.391.671.597)
Đầu tư vào đơn vị khác:						
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (**)	8.784.000.000	17.128.800.000	-	-		-
Công ty TNHH Vận Tải Ô Tô Vinatrans	726.150.000		-	726.150.000		-
Cộng	9.510.150.000		-	726.150.000		-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

(*) Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung trên cơ sở giá giao dịch đóng cửa trên sàn giao dịch chứng khoán UpCOM tại ngày báo cáo và số lượng cổ phần mà Công ty đang nắm giữ.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư còn lại để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Trong năm nay, Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung đã hoàn tất thực hiện việc phát hành thêm 2.992.500 cổ phiếu phổ thông để tăng vốn với tổng giá trị là 29.925.000.000 VND. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung sau đợt phát hành nêu trên là 61.425.000.000 VND. Do Công ty không thực hiện quyền mua cổ phần phát hành thêm nên tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Giao nhận Vận Tải Miền Trung sau đợt phát hành giảm xuống còn 14,30%. Từ đó, Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung không còn là công ty liên kết của Công ty.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.6. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán trong nước:	43.559.619.164	43.559.619.164	30.094.045.438	30.094.045.438
<i>Công ty Cổ Phần Proship</i>	4.124.158.115	4.124.158.115	1.009.478.160	1.009.478.160
<i>Công ty TNHH Vận Tải Thế Luân</i>	3.152.913.082	3.152.913.082	3.928.352.000	3.928.352.000
<i>Công ty TNHH Vận Tải Thương Mại Tiến Dũng</i>	2.625.610.960	2.625.610.960	1.057.072.000	1.057.072.000
<i>Các nhà cung cấp khác (*)</i>	33.656.937.007	33.656.937.007	24.099.143.278	24.099.143.278
Phải trả người bán nước ngoài:	41.516.586.282	41.516.586.282	38.683.748.261	38.683.748.261
<i>Eagles Air & Sea (Thailand) Co., Ltd</i>	5.276.708.827	5.276.708.827	2.703.347.413	2.703.347.413
<i>Naxco Germany GmbH</i>	3.642.640.752	3.642.640.752	1.792.746.055	1.792.746.055
<i>Unitex International Forwarding (Guangzhou) Limited</i>	2.716.335.112	2.716.335.112	997.296.923	997.296.923
<i>Các nhà cung cấp khác (*)</i>	29.880.901.591	29.880.901.591	33.190.357.870	33.190.357.870
Cộng	85.076.205.446	85.076.205.446	68.777.793.699	68.777.793.699

(*) Tại ngày 31/12/2025, phải trả cho các nhà cung cấp khác có số dư mỗi đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.7. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Trong năm VND			Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Đã khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	350.818.638	40.124.307.697	1.250.776.464	38.561.732.508	-	39.019.913
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	8.778.946.188	19.125.389.493	16.136.647.425	-	-	5.790.204.120
Thuế thu nhập cá nhân	-	931.730.034	13.739.748.074	14.221.812.916	-	-	1.413.794.876
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	524.232.192	-	2.151.079.833	2.151.079.833	-	524.232.192	-
Các loại thuế khác	-	358.093.276	2.757.535.977	2.542.092.922	-	-	142.650.221
Cộng	524.232.192	10.419.588.136	77.898.061.074	36.302.409.560	38.561.732.508	524.232.192	7.385.669.130

Trong năm 2018, Công ty Cổ phần Logistics Vinalink đã nhận được các văn bản từ các cơ quan hữu quan như sau:

- Thông báo số 14379/TB-CT-KTTĐ ngày 12 tháng 09 năm 2018 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định lại đơn giá tiền thuê đất giai đoạn năm 2016 - 2020, theo đó đơn giá được xác định lại này thấp hơn so với đơn giá đang được Công ty áp dụng theo các Thông báo của Chi cục Thuế Quận 4;
- Biên bản làm việc giữa Chi cục Thuế Quận 4 và Công ty ngày 26 tháng 12 năm 2018, theo đó:
 - Chi cục Thuế Quận 4 đồng ý điều chỉnh đơn giá tiền thuê đất năm 2018 theo Thông báo số 14379/TB-CT-KTTĐ ngày 12 tháng 09 năm 2018 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh và sau đó ban hành Thông báo số 163/CCT-TB ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc điều chỉnh tiền thuê đất phải nộp;
 - Trong thời gian chờ kết luận của Kiểm toán Nhà Nước đang tiến hành kiểm tra, Chi cục Thuế Quận 4 chưa điều chỉnh đơn giá tiền thuê đất cho giai đoạn năm 2016 – 2017 cho Công ty.

Hiện tại, Chi cục Thuế Quận 4 (nay là Thuế Cơ sở 4) vẫn chưa có quyết định điều chỉnh đơn giá tiền thuê đất cho giai đoạn năm 2016 – 2017 cho Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.8. Phải trả người lao động**

Là quỹ lương năm 2025 còn phải trả cho người lao động tại ngày 31/12/2025.

4.9. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Ngắn hạn:		
Hoa hồng phải trả	6.512.964.456	4.747.288.105
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.969.425.166	799.301.336
Cộng	8.482.389.622	5.546.589.441
Dài hạn:		
Tạm ứng tiền đền bù di dời (*)	32.800.000.000	31.888.520.960
Các khoản phải trả, phải nộp khác	65.942.500	63.877.500
Cộng	32.865.942.500	31.952.398.460

(*) Là khoản tiền tạm ứng 80% tổng giá trị đền bù di dời phục vụ dự án chuyển đổi công năng và khai thác kho bãi khu vực 145-147 Nguyễn Tất Thành mà Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội đã trả cho Công ty Cổ Phần Logistics Vinalink theo Hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐĐB.14 ngày 14 tháng 11 năm 2014 - Xem thêm Mục 10.

4.10. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Là khoản lợi nhuận hợp tác kinh doanh nhận trước theo hợp đồng số 2391/HĐHT.14 ngày 14 tháng 11 năm 2014 còn lại chờ phân bổ - Xem thêm Mục 10.

Trong năm 2025, căn cứ vào tình hình thực tế, Công ty đã có Công văn số 220A/2025/CV/VNL-ADM ngày 15 tháng 04 năm 2025 điều chỉnh kế hoạch phân bổ lợi nhuận hợp tác kinh doanh nhận trước của hợp đồng 2391/HĐHT.14 nêu trên cho thời gian còn lại đến năm 2029 phù hợp theo tiến độ thực hiện của hợp đồng.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.11. Vốn chủ sở hữu

4.11.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Tổng cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2024	141.404.870.000	4.950.000.000	10.000.000.000	113.338.658.953	269.693.528.953
Lãi trong năm 2024	-	-	-	45.433.863.603	45.433.863.603
Chia cổ tức đợt 2 năm 2023	-	-	-	(9.898.340.900)	(9.898.340.900)
Chia cổ tức đợt 1 năm 2024	-	-	-	(7.070.243.500)	(7.070.243.500)
Trích lập Quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023	-	-	-	(746.000.000)	(746.000.000)
Tại ngày 01/01/2025	141.404.870.000	4.950.000.000	10.000.000.000	141.057.938.156	297.412.808.156
Lãi trong năm 2025	-	-	-	55.100.055.126	55.100.055.126
Chia cổ tức đợt 2 năm 2024 (*)	-	-	-	(7.070.243.500)	(7.070.243.500)
Chia cổ tức đợt 3 năm 2024 (*)	-	-	-	(7.070.243.500)	(7.070.243.500)
Chia cổ tức đợt 1 năm 2025	-	-	-	(9.898.340.900)	(9.898.340.900)
Trích lập Quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2024 (*)	-	-	-	(1.363.000.000)	(1.363.000.000)
Tại ngày 31/12/2025	141.404.870.000	4.950.000.000	10.000.000.000	170.756.165.382	327.111.035.382

(*) Chia cổ tức và trích lập Quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2024 được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 229/2025/NQ/VNL- ĐHCĐ ngày 17/04/2025.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.11.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Vốn góp của Công ty Cổ phần Vinafreight	15.610.450.000	3.012.350.000
Vốn góp của các đối tượng khác	125.794.420.000	138.392.520.000
Cộng	141.404.870.000	141.404.870.000

4.11.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	14.140.487	14.140.487
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	14.140.487	14.140.487
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	14.140.487	14.140.487

Mệnh giá cổ phần phổ thông đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.

4.11.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	55.100.055.126	45.433.863.603
Trích quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (*)	(1.653.000.000)	(1.363.000.000)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	53.447.055.126	44.070.863.603
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	14.140.487	14.140.487
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	3.780	3.117

(*) Quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (Quỹ khen thưởng phúc lợi) được trừ ra khi tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tạm tính dựa vào tỷ lệ phân bổ trên lợi nhuận sau thuế năm 2025 không quá 3% theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 17 tháng 04 năm 2025.

4.11.5. Cổ tức

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Số dư đầu năm	-	-
Cổ tức phải trả	24.038.827.900	16.968.584.400
Cổ tức đã trả trên tổng số của cổ phiếu phổ thông	(24.038.827.900)	(16.968.584.400)
Số dư cuối năm	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	<u>Tại ngày 31/12/2025</u>	<u>Tại ngày 01/01/2025</u>
Ngoại tệ các loại:		
USD	504.548,74	450.195,50
	<u>Tại ngày 31/12/2025 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2025 VND</u>
Nợ khó đòi đã xử lý do không còn khả năng thu hồi:		
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Gia Bảo Hưng	9.856.800.000	-
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Kim Hợp Phát	999.534.500	999.534.500
Công ty TNHH Techcom Life Technologies Việt Nam	426.723.472	426.723.472
Cộng	<u>11.283.057.972</u>	<u>1.426.257.972</u>

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	<u>Năm 2025 VND</u>	<u>Năm 2024 VND</u>
Doanh thu trụ sở TP. Hồ Chí Minh:	918.650.289.746	741.104.521.763
<i>Dịch vụ hàng không</i>	433.828.548.038	338.947.421.545
<i>Dịch vụ đường biển</i>	324.017.025.546	256.218.202.560
<i>Dịch vụ logistics</i>	160.804.716.162	145.938.897.658
Doanh thu chi nhánh Hà Nội	437.470.723.434	374.281.575.433
Doanh thu chi nhánh Hải Phòng	32.668.152.197	28.978.518.519
Doanh thu chi nhánh Đà Nẵng	9.249.766.804	8.374.105.342
Cộng	<u>1.398.038.932.181</u>	<u>1.152.738.721.057</u>
Trong đó, doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên có liên quan - Xem thêm Mục 7	4.484.136.245	2.365.365.559

Mục 1.5 của Bản thuyết minh này trình bày nguyên nhân tăng doanh thu năm nay so với năm trước.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.2. Giá vốn cung cấp dịch vụ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn trụ sở TP. Hồ Chí Minh:	795.694.838.432	668.045.133.840
<i>Dịch vụ hàng không</i>	343.870.503.993	305.853.915.226
<i>Dịch vụ đường biển</i>	299.283.951.448	220.658.532.404
<i>Dịch vụ logistics</i>	152.540.382.991	141.532.686.210
Giá vốn chi nhánh Hà Nội	394.428.098.932	328.586.851.156
Giá vốn chi nhánh Hải Phòng	97.573.369.655	66.620.549.278
Giá vốn chi nhánh Đà Nẵng	14.078.509.767	9.080.074.258
Cộng	1.301.774.816.786	1.072.332.608.532

Giá vốn cung cấp dịch vụ tăng cùng chiều với doanh thu trong năm.

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các bên liên quan – Xem thêm Mục 7	6.237.571.275	4.165.038.889
Cổ tức, lợi nhuận được chia từ đơn vị khác	-	79.720.000
Lãi tiền gửi	1.843.535.583	1.415.071.456
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	11.155.635.661	9.583.169.290
Cộng	19.236.742.519	15.242.999.635

Mục 1.5 của Bản thuyết minh này trình bày nguyên nhân tăng doanh thu tài chính năm nay so với năm trước.

5.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên	19.398.333.203	17.531.469.534
Chi phí vật liệu	144.655.218	74.277.441
Chi phí đồ dùng văn phòng	170.459.318	121.618.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.751.691.390	1.350.719.697
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	53.375.431	306.210.636
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.664.757.838	9.671.135.276
Các khoản chi phí khác	1.803.627.321	1.779.018.484
Cộng	33.986.899.719	30.834.449.068

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân công	118.572.104.987	104.585.619.917
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.748.798.188	2.326.884.093
Chi phí dự phòng nợ phải thu	53.375.431	306.210.636
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.152.884.572.405	951.247.592.218
Chi phí khác bằng tiền	61.502.865.494	44.700.750.736
Cộng	<u>1.335.761.716.505</u>	<u>1.103.167.057.600</u>

5.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	18.978.946.188	13.890.204.120
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	146.443.305	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>19.125.389.493</u>	<u>13.890.204.120</u>

(*) Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	74.225.444.619	59.324.067.723
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	26.906.857.598	14.608.039.768
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	<u>(6.237.571.275)</u>	<u>(4.481.086.889)</u>
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	94.894.730.942	69.451.020.602
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	<u>18.978.946.188</u>	<u>13.890.204.120</u>

Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế TNDN:

- Các khoản chi không có đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ;
- Các khoản phạt thuế;
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi;
- Chi phí trích trước chưa có hóa đơn;
- Lãi/(lỗ) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản tiền, công nợ phải thu có gốc ngoại tệ cuối kỳ;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo khu vực địa lý như sau:

- Miền Nam: Thành phố Hồ Chí Minh;
- Miền Bắc: Thành phố Hà Nội và Thành phố Hải Phòng;
- Miền Trung: Thành phố Đà Nẵng.

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Miền Nam		Miền Bắc		Miền Trung		Loại trừ		Tổng cộng	
	Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu										
Từ khách hàng bên ngoài	918.650	741.105	470.139	403.260	9.250	8.374	-	-	1.398.039	1.152.739
Giữa các bộ phận	18.745	12.611	167.013	92.713	5.306	1.325	(191.064)	(106.649)	-	-
Cộng	937.395	753.716	637.152	495.973	14.556	9.699	(191.064)	(106.649)	1.398.039	1.152.739
Kết quả hoạt động kinh doanh										
Kết quả của bộ phận	78.489	70.211	17.391	9.830	384	365	-	-	96.264	80.406
Chi phí không phân bổ									(33.987)	(30.834)
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính									62.277	49.572
Thu nhập tài chính									19.237	15.243
Chi phí tài chính									(7.505)	(5.587)
Lợi nhuận khác									216	97
Thuế thu nhập doanh nghiệp									(19.125)	(13.890)
Lợi nhuận sau thuế									55.100	45.434

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Các thông tin khác

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Miền Nam		Miền Bắc		Miền Trung		Loại trừ		Tổng cộng	
	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
Tài sản của bộ phận	473.767	427.586	101.041	99.012	3.646	3.126	(56.400)	(73.350)	522.054	456.374
Tổng tài sản									522.054	456.374
Nợ phải trả của bộ phận	163.724	140.594	84.359	88.963	3.260	2.755	(56.400)	(73.350)	194.943	158.962
Tổng nợ phải trả									194.943	158.962
	Miền Nam		Miền Bắc		Miền Trung		Loại trừ		Tổng cộng	
	Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí mua sắm tài sản	5.370	2.932	558	-	-	-	-	-	5.928	2.932
Chi phí khấu hao	2.616	2.133	133	194	-	-	-	-	2.749	2.327

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện cho ngành nghề giao nhận vận tải. Các hoạt động còn lại không đáng kể và không có sự khác biệt đáng kể về rủi ro và lợi ích kinh tế. Do đó, Công ty chỉ có một bộ phận theo ngành nghề. Vì vậy, theo VAS 28 – Báo cáo bộ phận, Công ty không thuyết minh báo cáo bộ phận theo ngành nghề thành một khoản mục riêng biệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

1. Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	Công ty liên kết
2. Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết	Công ty liên kết
3. Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	Công ty liên kết
4. Công ty TNHH Hệ thống phần mềm quản lý Logistics	Công ty liên kết
5. Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật	Công ty liên doanh
6. Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển	Công ty liên doanh
7. Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	Công ty liên doanh
8. Hội đồng quản trị (HĐQT), Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và nhân sự quản lý chủ chốt khác	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng:		
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật	122.354.233	101.999.641
Công ty Cổ Phần Vận Chuyển Vinalink	8.532.000	-
Cộng - Xem thêm Mục 4.2	130.886.233	101.999.641

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Cung cấp dịch vụ:		
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật	3.573.069.439	1.867.723.683
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển	853.816.806	82.860.900
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	57.250.000	414.780.976
Cộng - Xem thêm Mục 5.1	4.484.136.245	2.365.365.559

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Nhận cung cấp dịch vụ:		
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	2.623.904.221	2.486.779.194
Công ty TNHH Hệ thống phần mềm quản lý Logistics	710.000.000	-
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật	255.229.100	656.729.500
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	102.971.687	201.331.560
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển	37.090.419	220.452.495
Cộng	<u>3.729.195.427</u>	<u>3.565.292.749</u>

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là theo giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia:		
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	4.000.000.000	700.000.000
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật	1.437.571.275	1.065.038.889
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	800.000.000	2.400.000.000
Cộng - Xem thêm Mục 5.3	<u>6.237.571.275</u>	<u>4.165.038.889</u>

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Lương, thù lao và các khoản chi phí khác của các thành viên Hội đồng quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và nhân sự quản lý chủ chốt khác của Công ty trong năm như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2025 VND</u>	<u>Năm 2024 VND</u>
Ông Nguyễn Nam Tiến	Chủ tịch HĐQT	2.732.716.554	1.848.777.180
Ông Vũ Quốc Bảo	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc	3.331.889.264	2.125.272.123
Ông Vũ Thế Đức	Thành viên HĐQT	167.000.000	157.000.000
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên HĐQT	155.000.000	115.000.000
Ông Đỗ Phú Kim	Thành viên HĐQT	155.000.000	100.000.000
Bà Nguyễn Anh Nam	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng	1.696.149.718	1.083.212.141
Bà Nguyễn Đỗ Anh Thư	Giám đốc pháp chế	1.354.350.782	963.125.405
Bà Phan Phương Tuyền	Trưởng Ban Kiểm soát	155.000.000	115.000.000
Bà Lê Thị Ngọc Anh	Thành viên Ban Kiểm soát	64.500.000	50.000.000
Ông Dương Trần An	Thành viên Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 23/04/2024)	64.500.000	24.000.000
Bà Trang Anh Xuân	Thành viên Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 23/04/2024)	-	3.000.000
Cộng		<u>9.876.106.318</u>	<u>6.584.386.849</u>
		<u>Năm 2025 VND</u>	<u>Năm 2024 VND</u>
Cổ tức đã chia:			
Ông Nguyễn Nam Tiến		179.668.000	182.808.000
Ông Vũ Quốc Bảo		187.440.000	129.600.000
Ông Vũ Thế Đức		825.486.000	582.696.000
Ông Nguyễn Quốc Huy		55.513.500	39.186.000
Bà Nguyễn Anh Nam		48.500.000	26.200.000
Bà Nguyễn Đỗ Anh Thư		27.259.500	19.242.000
Bà Phan Phương Tuyền		11.194.500	7.902.000
Bà Lê Thị Ngọc Anh		5.584.500	3.942.000
Ông Dương Trần An		32.461.500	22.914.000
Bà Trang Anh Xuân (miễn nhiệm ngày 23/04/2024)		-	152.910.000
Cộng		<u>1.373.107.500</u>	<u>1.167.400.000</u>

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**8. SỐ LIỆU SO SÁNH**Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	Năm 2024 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2024 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.117	3.149
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.117	3.149

Việc báo cáo lại thông tin so sánh chỉ tiêu Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu nêu trên là do Công ty đã trích lập quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 229/2025/NQ/VNL- ĐHĐCĐ ngày 17/04/2025 (báo cáo tài chính năm 2024 được ghi nhận theo số tạm trích).

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 115/2026/NQ/VNL-HĐQT thông qua ngày 25/02/2026, Công ty đã phê duyệt phương án thanh toán cổ tức đợt 2 năm 2025 bằng tiền với tỷ lệ là 8% mệnh giá cổ phần (800 đồng/cổ phần), tương ứng với số tiền là 11.312.389.600 VND. Ngày chi trả cổ tức dự kiến là ngày 10/04/2026.

Ngày 25/02/2026, Ông Nguyễn Đức Thắng đã mua thêm 138.500 cổ phiếu tại Công ty, nâng tổng số cổ phiếu nắm giữ tại Công ty thành 712.000 cổ phiếu, tương ứng 5,03% vốn điều lệ và trở thành cổ đông lớn của Công ty.

Ngoài các sự kiện như đã nêu trên, không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2025 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.

10. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC

Ngày 14/11/2014, Công ty có ký kết Hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh số 2391/HĐHT.14 và Hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐĐB.14 về việc đền bù di dời phục vụ dự án tại số 145-147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 145 – 147 Nguyễn Tất Thành, phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh) với Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội. Theo hợp đồng số 2391/HĐHT.12, Công ty nhận trước tiền phân chia lợi nhuận hợp tác khoán gọn đến ngày 31/07/2029 với số tiền là 36 tỷ VND và được phân bổ vào doanh thu hằng năm dựa vào lịch trình theo công văn số 1360/2016/CV/VNL-ADM ngày 01/10/2016, Công văn số 420/2021/CV/VNL-ADM ngày 01/04/2021, và Công văn số 220A/2025/CV/VNL-ADM ngày 15/04/2025. Và theo hợp đồng số 2392/HĐĐB.14, Công ty sẽ bàn giao toàn bộ tài sản theo hiện trạng tại văn phòng Công ty (gồm toàn bộ hệ thống kho với tổng diện tích sàn kho 9.397,08 m², văn phòng làm việc, nhà bếp, nhà ăn, toàn bộ sân xi măng bên trong khuôn viên và các hạng mục phụ trợ như hệ thống chiếu sáng, hệ thống PCCC, hệ thống cấp thoát nước, tường rào, trạm điện hiện diện trên khu đất) để Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội quản lý, khai thác. Theo thỏa thuận trên hợp đồng, Công ty sẽ bàn giao cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội toàn bộ tài sản trên khu đất và từ chối mọi quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến tài sản trên khu đất bao gồm cả quyền quản lý, khai thác khu đất cho đến khi cơ quan thẩm quyền chấp thuận chủ trương cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội được làm chủ đầu tư dự án. Việc di dời các hoạt động hiện tại của Công ty đi nơi khác sẽ được thực hiện chậm nhất 24 tháng sau ngày ký kết các hợp đồng này.

Đến tháng 01 năm 2019, Công ty đã di dời hoạt động sang địa điểm kinh doanh mới tại Số 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường Tân Sơn Hòa, TP Hồ Chí Minh, và bàn giao toàn bộ tài sản theo hiện trạng tại mặt bằng 145 – 147 Nguyễn Tất Thành, phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh nói trên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

10. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC (TIẾP THEO)

Tuy nhiên, đến nay các Hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh và Hợp đồng nguyên tắc như trên vẫn chưa được thanh lý do Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh chưa có quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án và các quyết định có liên quan tại địa điểm 145 – 147 Nguyễn Tất Thành, phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện tại, Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội có liên quan đến vụ án hình sự "Trương Mỹ Lan và đồng phạm" dựa trên văn bản án hình sự phúc thẩm số 1125/2024/HS-PT ngày 03/12/2024 trên cổng thông tin điện tử của Tòa án. Trong đó, Hội đồng xét xử đã tuyên án phúc thẩm về việc kê biên đối với tài sản là thửa đất số 1-755 tờ bản đồ số 10 Sài Gòn Khánh Hội tại địa chỉ 145-147 Nguyễn Tất Thành, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh để đảm bảo nghĩa vụ bồi hoàn cho bị cáo Trương Mỹ Lan trong toàn bộ vụ án trong trường hợp Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh giao đất cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội, hoặc để đảm bảo việc Công ty sẽ hoàn trả lại khoản tiền tạm ứng đền bù di dời – Xem thêm Mục 4.9 và khoản lợi nhuận hợp tác kinh doanh nhận trước còn chưa phân bổ – Xem thêm Mục 4.10 trong trường hợp Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh không giao đất cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội.

Công ty vẫn đang tiếp tục làm việc với đối tác về việc thực hiện các hợp đồng đã ký kết và những vấn đề phát sinh có liên quan.



Vũ Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Nam
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thanh
Người lập



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS
VINALINK

Số CV: 183 /2026/CV/VNL-ADM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

TP Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế (kèm theo CBTT Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025)

Công ty Cổ Phần Logistics Vinalink giải trình về chênh lệch Lợi nhuận sau thuế TNDN giữa Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025 và Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024 như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Chênh lệch	% Tăng/giảm
Doanh thu thuần	1.398.038.932.181	1.152.738.721.057	245.300.211.124	21,28 %
Lợi nhuận sau thuế TNDN	55.100.055.126	45.433.863.603	9.666.191.523	21,28 %

Lợi nhuận sau thuế TNDN trên Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025 tăng so với cùng kỳ năm 2024 do:

- Dịch vụ xuất khẩu đường biển tăng.
- Lợi nhuận được chia từ Công ty liên doanh liên kết tăng.

Người đại diện theo pháp luật

TỔNG GIÁM ĐỐC



VŨ QUỐC BẢO